

BÁO CÁO**Tổng kết công tác dân tộc nhiệm kỳ 2011 - 2016
và phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc giai đoạn 2016 - 2020**

Bước vào nhiệm kỳ 2011 - 2016 trong bối cảnh thế giới mất ổn định ở nhiều khu vực (các nước vùng Vịnh, Trung Đông, Châu Âu, Đông Bắc Á...), tranh chấp trên biển Đông diễn biến phức tạp. Trong nước, tình hình chính trị ổn định, an ninh quốc phòng giữ vững, kinh tế đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng; sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) giai đoạn 2001-2010, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển và bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế trong nước bị suy thoái, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24/02/2011 đề ra giải pháp tập trung kiềm chế lạm phát nhằm thắt chặt chính sách tiền tệ, chi tiêu công. Bên cạnh đó, các thế lực phản động, thù địch luôn lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để âm mưu chống phá cách mạng nước ta, diễn biến phức tạp xảy ra chủ yếu ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Thực hiện Quyết tâm thư của Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số (DTTS) toàn quốc lần thứ nhất (năm 2010), đồng thời quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, trọng tâm là Nghị quyết số 06/NQ-CP, ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016, sự chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc (UBDT) đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân tộc (CTDT) nhiệm kỳ 2011 - 2016 tập trung tham mưu đẩy mạnh phát triển KT-XH, giảm nghèo bền vững, đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc và miền núi (DT&MN); tích cực chủ động triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban và chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt CTDT, chính sách dân tộc (CSDT) trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội khóa XIII về kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2011 - 2015.

Kết quả thực hiện CTDT nhiệm kỳ 2011 - 2016 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nhiệm kỳ 2016 - 2021 như sau:

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC
NHIỆM KỲ 2011 - 2016

I. THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

1. Chỉ đạo xây dựng các đề án, chính sách dân tộc nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc

Bám sát các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Ủy ban chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động CTDT của UBDT khóa XIII nhiệm kỳ 2011 - 2016, Chương trình hành động thực hiện Nghị định số 05/NĐ-CP về CTDT; Chương trình hành động thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện các giải pháp phát triển KT-XH hàng năm... Các chương trình đã được cụ thể hóa bằng các đề án, chương trình, chính sách cụ thể qua các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) về lĩnh vực CTDT, các quyết định phê duyệt đề án, CSDT.

UBDT chủ động tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát toàn diện hệ thống CSDT, đồng thời Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban tổ chức các buổi làm việc trực tiếp với Bộ trưởng các Bộ, ngành liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Y tế) về rà soát CSDT, ban hành thông báo kết luận đánh giá CSDT hiện hành và thống nhất đề nghị sửa đổi, bổ sung một số chính sách thực hiện tại vùng DT&MN. Tham mưu tổ chức buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ với UBDT và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội về rà soát, thực hiện CSDT, ban hành Chỉ thị 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/9/2014 về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CTDT, trên cơ sở đó các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình hành động thực hiện.

Trong 05 năm 2011 - 2015, UBDT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành đã nghiên cứu xây dựng, sửa đổi bổ sung 52 đề án chính sách, trong đó đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 28 đề án, chính sách và được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành 22 đề án, chính sách; 07 đề án chính sách đang tiếp tục hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ. Một số đề án tạm dừng xây dựng hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được ban hành do không phù hợp thời điểm hoặc có nội dung trùng lặp với chính sách của các Bộ, ngành khác. *(Phụ lục số 01: Các đề án chính sách do UBDT nghiên cứu, xây dựng giai đoạn 2011 - 2015).*

Trong các đề án, CSDT đã ban hành giai đoạn 2011 - 2015 có nhiều đề án, chính sách có ý nghĩa quan trọng đối với vùng DT&MN: Lần đầu tiên, nước ta có Nghị định về CTDT (Nghị định số 05/2011/NĐ-CP), là văn bản QPPL cao nhất, làm căn cứ từng bước xây dựng, ban hành Luật Dân tộc. Cũng lần đầu tiên,

CTDT nước ta có Chiến lược CTDT (Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ) và hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực CTDT. Chiến lược CTDT đã cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về CTDT qua việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2020, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị; đây là định hướng quan trọng về xây dựng CSDT, bước đầu khắc phục tình trạng ngắn hạn, tư duy nhiệm kỳ của giai đoạn trước. Việc tiếp tục thực hiện Chương trình 135 (Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ) hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBKK có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển KT-XH vùng DT&MN, được các nước, các tổ chức quốc tế đánh giá cao và nhân dân cả nước đồng tình, ủng hộ.

2. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các chính sách dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc và miền núi

2.1. Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách

UBND đã xây dựng, ban hành 23 Thông tư (*Phụ lục số 02: Danh mục các Thông tư*) và hàng trăm văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện chính sách do UBND chủ trì quản lý. Hằng năm, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn thực hiện CSDT, tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết CTDT và thực hiện các CSDT. Tham gia góp ý, trả lời văn bản của các Bộ, ngành, địa phương về thực hiện CTDT. Tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, tọa đàm về lĩnh vực CTDT. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương rà soát, xác định thôn, bản ĐBKK, phân định xã khu vực I, II, III theo Quyết định 30/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND và Quyết định số 68/QĐ-UBND công nhận 18.282 thôn ĐBKK, 1.871 xã khu vực I, 1.301 xã khu vực II và 2.068 xã khu vực III vùng DT&MN giai đoạn 2012-2015 thuộc 50 tỉnh, làm cơ sở để hoạch định, xây dựng, ban hành, thực hiện CSDT trên cả nước. Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2405/QĐ-TTg phê duyệt danh sách 2.331 xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu của 49 tỉnh và ban hành Quyết định số 582/QĐ-UBND, Quyết định số 130/QĐ-UBND phê duyệt 3.509 thôn ĐBKK vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 - 2015. Lãnh đạo Ủy ban, các Vụ, đơn vị trực thuộc tổ chức gần 200 đoàn đi cơ sở nắm tình hình CTDT và kiểm tra việc thực hiện CSDT. Chủ trì và tham gia hơn 20 đoàn công tác liên ngành (Ban Chỉ đạo TW về giảm nghèo bền vững, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT, Bộ LĐ-TBXH...) đi kiểm tra chương trình giảm nghèo tại các địa phương; phân định 3 khu vực, các chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, y tế, giáo dục... tại các xã ĐBKK, huyện nghèo của 52 tỉnh vùng DT&MN. Phối hợp với UNDP, Đại sứ quán Ai Len, UNICEF kiểm tra, đánh giá các chương trình, dự án có nguồn vốn ODA hỗ trợ... Qua công tác kiểm tra và

nắm tình hình đã phát hiện một số bất cập trong lĩnh vực CTDT và thực hiện CSDT, kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn cho các địa phương trong quá trình thực hiện.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, UBND đã tổ chức sơ kết 03 năm, 05 năm thực hiện Nghị định 05/2011/NĐ-CP; tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 06/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phù về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 06/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới; tổng kết các CSDT giai đoạn 2011 - 2015, sơ kết chính sách cấp không thu tiền một số ấn phẩm báo chí vùng DT&MN theo Quyết định 2472/QĐ-TTg và sơ kết 3 năm thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020...

2.2. Kết quả thực hiện các chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý, chỉ đạo

Mặc dù với nguồn vốn NSTW còn hạn hẹp (*Phụ lục số 03: Tổng hợp nguồn vốn thực hiện các CSDT giai đoạn 2011 - 2015*), theo tổng hợp báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, các chính sách do UBND quản lý, chỉ đạo (Chương trình 135, các chính sách theo Quyết định số: 33/2013/QĐ-TTg, 755/QĐ-TTg, 18/2011/QĐ-TTg, 29/2013/QĐ-TTg, 2472/QĐ-TTg, 54/2012/QĐ-TTg, 1672/QĐ-TTg, 102/2009/QĐ-TTg) trong 05 năm 2011-2015 đã hỗ trợ đầu tư xây dựng gần 20.000 công trình cơ sở hạ tầng, gần 1.700 tỷ đồng hỗ trợ giống, cây, con và mua sắm máy móc trang thiết bị, công cụ phát triển sản xuất; hỗ trợ trên 6.200 ha đất sản xuất cho gần 12.000 hộ, đất ở cho gần 3.000 hộ, trên 1.000 hộ được chuộc đất sản xuất, gần 28.000 hộ được vay vốn phát triển sản xuất, hơn 940 hộ vay vốn tạo việc làm, trên 7.000 hộ, 2.634 người được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề; đưa vào sử dụng hơn 1.140 giếng nước sinh hoạt, hỗ trợ nước sinh hoạt cho gần 64.400 hộ; hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt hoặc hiện vật cho hơn 32.500.000 lượt người nghèo; hoàn thành 130 dự án ĐCĐC tập trung, 30 điểm ĐCĐC xen ghép cho gần 20.000 hộ với hơn 91.500 nhân khẩu (*Phụ lục số 04: Kết quả thực hiện các chính sách do UBND quản lý, chỉ đạo giai đoạn 2011 - 2015*).

UBND đã tích cực phối hợp thực hiện có hiệu quả một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn vùng DT&MN do Thủ tướng Chính phủ giao: Đưa thông tin về cơ sở; bình đẳng giới; phòng, chống HIV/AIDS và tệ nạn ma túy, mại dâm; phòng chống tác hại thuốc lá; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các dự án hỗ trợ kỹ thuật có nguồn vốn ODA...

Nhìn chung, các chính sách do UBND quản lý, chỉ đạo có hiệu quả, ít thất thoát, cùng với chính sách an sinh xã hội và các CSDT khác đã góp phần phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo, thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn vùng DT&MN.

3. Tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn vùng dân tộc và miền núi

Hàng năm, UBND chỉ đạo các Vụ, đơn vị, trong đó nòng cốt là 03 vụ Địa phương tổ chức các đoàn công tác thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình CTDT và thực hiện CSĐT trên tất cả các lĩnh vực: Sản xuất, đời sống, văn hóa, y tế, giáo dục, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng, chú ý những vụ việc nổi cộm về thiệt hại do thiên tai, an ninh trật tự vùng DT&MN. Trong 05 năm 2011 - 2015, UBND đã tổng hợp, xây dựng gần 600 báo cáo¹ định kỳ hoặc chuyên đề về tình hình vùng DT&MN, công tác chỉ đạo điều hành, kết quả CTDT và thực hiện CSĐT, trả lời kiến nghị và chất vấn của cử tri và Đại biểu Quốc hội khóa XIII; cung cấp thông tin, báo cáo, tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có những giải pháp chỉ đạo kịp thời, không để xảy ra những điểm “nóng”, những vụ việc nổi cộm, phức tạp, nhất là tại các vùng trọng điểm Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trên cơ sở nắm bắt tình hình vùng DT&MN, đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Chỉ thị, tổ chức sơ kết, tổng kết 02 Chỉ thị, Nghị định về CTDT, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về CSĐT, nhằm đánh giá kết quả thực hiện, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế yếu kém, nguyên nhân và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện có hiệu quả CTDT nói chung và CSĐT nói riêng.

Thực hiện Nghị định 05/2011/NĐ-CP về CTDT, trong năm 2014 UBND chỉ đạo tổ chức Đại hội Đại biểu các DTTS cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ II: Kết quả có 363/363 huyện, 50/50 tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội, đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả. Đây là sự kiện chính trị - xã hội có ý nghĩa rất sâu sắc ở các địa phương vùng DT&MN, nhất là đề cập ủy, chính quyền địa phương bổ sung hoàn thiện báo cáo chính trị Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

4. Công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc và miền núi

UBND thường xuyên chỉ đạo và định hướng cho các báo, tạp chí thực hiện Quyết định 2472/QĐ-TTg và 1977/QĐ-TTg về nội dung tuyên truyền. Trong 4 năm 2012 - 2015, các báo và tạp chí đã xuất bản 159,8 triệu tờ/cuốn ấn phẩm, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTDT; chủ động phản bác lại những luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch; phân tích, giải thích cho đồng bào hiểu sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước trong việc hỗ trợ đầu tư phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, không nghe theo kẻ xấu xúi

¹ Nhiều báo cáo có ý nghĩa quan trọng như: Thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về giảm nghèo bền vững và Nghị quyết số 539/NQ-UBTVQH13 của UBND Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS; tình hình thực hiện CTDT giai đoạn 2011 - 2015, quan điểm, mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ CTDT giai đoạn 2016 - 2020 phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng XII.

giục, không theo tà đạo, không gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; phản ánh tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và các vấn đề bức xúc của đồng bào vùng DTTS; giới thiệu những điển hình tiên tiến trên từng lĩnh vực trong đời sống xã hội, nêu gương các già làng, trưởng bản, người tốt việc tốt; thông tin thị trường, kinh nghiệm xoá đói giảm nghèo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, biểu dương thành tựu xây dựng nông thôn mới; xoá bỏ dần các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đấu tranh với âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta.

UBND đã tổ chức trên 30 hội nghị, hội thi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho hơn 3.000 đại biểu của 300 xã thuộc 60 huyện của 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về những nội dung cơ bản, thiết thực liên quan đến đời sống của đồng bào như: Luật Đất đai, Luật Khiếu nại Tố cáo, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Phòng chống ma túy, Luật Bầu cử, Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, Luật Giao thông...² Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với phương châm kiên trì, bền bỉ, "mưa dầm thấm lâu" đã giúp đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, tác động mạnh mẽ đến tư duy, tình cảm và hành động của đồng bào các DTTS.

Hàng năm, tổ chức nhiều đoàn công tác đến làm việc, thăm hỏi và chúc Tết cổ truyền dân tộc, Tết truyền thống của một số dân tộc tại các địa phương. Tổ chức tiếp đón 105 đoàn đại biểu DTTS với tổng số 5.654 lượt người là đồng bào, già làng, trưởng bản, người có uy tín (4.340 lượt người), học sinh DTTS tiêu biểu đến thăm, làm việc tại cơ quan UBND. Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời các địa phương bị thiên tai, thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Định kỳ hàng năm tổ chức tuyên dương và khen thưởng học sinh DTTS đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia và đồ thủ khoa, điểm cao trong các kỳ thi đại học, cao đẳng. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu Bác Hồ với các DTTS, có sức lan tỏa lớn trong đồng bào DTTS, góp phần thực hiện tốt Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ đạo thành công khối 54 dân tộc tham gia điều hành Kỷ niệm 70 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam.

Đặc biệt năm 2014, UBND chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức Đoàn đại biểu các dân tộc đi thăm, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân huyện đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1. Đây là chuyến đi có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, lần đầu tiên có đầy đủ đại biểu của 54 dân tộc Việt Nam, cũng là dịp để tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong cộng đồng các dân tộc.

² Tổ chức 13 Hội thi tìm hiểu pháp luật cho đồng bào DTTS trong toàn quốc; 14 Hội nghị tuyên truyền pháp luật cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong cơ quan UBND; 02 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho hơn 240 lượt đại biểu là cán bộ làm công tác dân tộc của 16 tỉnh khu vực miền Trung-Tây Nguyên và 15 tỉnh khu vực Tây Nam Bộ...

Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền con người ở Việt Nam nói chung và quyền của người DTTS nói riêng đến cán bộ làm CTDT và đồng bào DTTS, các cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách quốc tế đến thăm, đoàn báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc và kiều bào về thăm quê hương; đồng thời kiên quyết bác bỏ các luận điệu sai trái, xuyên tạc của một số thế lực thù địch có liên quan đến quyền của người DTTS.

5. Hợp tác quốc tế về lĩnh vực công tác dân tộc

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về CTDT với các nước, nhất là trong khu vực như Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Myanma... Thực hiện hiệu quả các thỏa thuận theo chương trình hợp tác, quan hệ với nhiều nhà tài trợ quốc tế song phương và đa phương, các tổ chức thế giới như Ngân hàng Thế giới (WB), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Cơ quan Hợp tác Phát triển Australia (AusAID), Liên minh Châu Âu (EU), Chính phủ Phần Lan, Cơ quan Hợp tác Phát triển Ai Len (IrishAid)...

Giai đoạn 2011 - 2015, Chính phủ Ailen đã ký thỏa thuận hợp tác viện trợ không hoàn lại 26,29 triệu Euro để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng một số xã của 08 tỉnh thuộc Chương trình 135. Chính phủ Phần Lan cho vay vốn ODA gần 5,4 triệu Euro để thực hiện Dự án ứng dụng điện mặt trời cho khu vực miền núi và dân tộc ở Việt Nam. Chính phủ Phần Lan, Ai Len và các tổ chức quốc tế UNDP, UNICEF đã tài trợ hơn 300 tỷ đồng (quy đổi VNĐ) để thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật SM-P135, EMPCD, SEDEMA, PRPP... Ngân hàng Thế giới (WB) hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Luật Dân tộc. Phối hợp với Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam tổ chức diễn đàn kêu gọi đầu tư vào vùng DTTS, các tổ chức quốc tế đã cam kết hỗ trợ trên 200 triệu đô la Mỹ. Tổ chức 05 khóa đào tạo, tập huấn cho hơn 100 cán bộ của Ủy ban Mặt trận Lào xây dựng đất nước, cử giảng viên sang giảng dạy tại Lào đã góp phần củng cố tình hữu nghị Việt - Lào anh em.

Qua hoạt động hợp tác quốc tế giúp UBND tăng cường trao đổi kinh nghiệm thực hiện CTDT và CSDT, đồng thời làm cho các nước, các tổ chức quốc tế hiểu rõ quan điểm, đường lối CSDT của Đảng, Nhà nước ta, quan tâm và có thiện chí hỗ trợ nguồn lực góp phần xóa đói, giảm nghèo cho vùng đồng bào dân tộc.

6. Công tác pháp chế, thanh tra, phòng chống tham nhũng

6.1. Công tác pháp chế

Chủ trì soạn thảo và tham gia xây dựng, thẩm định, ban hành 23 Thông tư, Thông tư liên tịch với các Bộ, ngành liên quan. Tham gia góp ý dự thảo nhiều văn bản QPPL của các Bộ, ngành; kiểm tra, rà soát 227 văn bản các loại đảm bảo chất lượng, được các Bộ, ngành tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo văn bản.

Công tác tự kiểm tra các văn bản QPPL do Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND ban hành được thực hiện theo quy định; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ công tác pháp chế đối với cơ quan CTDT cấp tỉnh; đồng thời đề nghị các Bộ, ngành, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự kiểm tra, rà soát văn

bản QPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND, kịp thời phát hiện những nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật. Ban hành quyết định hợp nhất đối với 06 văn bản QPPL. Thường xuyên tiến hành rà soát văn bản QPPL về CTDT theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương và các Bộ, ngành. Trên cơ sở rà soát, xây dựng và công bố Tập hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND gồm: Danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực, danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần, danh mục văn bản QPPL cần thay thế hoặc ban hành mới để phục vụ cho cơ quan, đơn vị, cá nhân tra cứu, áp dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6.2. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí

Trong 05 năm 2011 - 2015, UBND tổ chức thực hiện 32 cuộc thanh tra chuyên ngành, tập trung vào việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án. CSDT của các Bộ, ngành TW tại vùng DT&MN³, 10 cuộc thanh tra hành chính về việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND. Qua thanh tra, đã phát hiện và kịp thời chấn chỉnh một số bất cập, yếu kém trong công tác quản lý, chỉ đạo, ban hành cơ chế, chính sách vùng DT&MN và trong tổ chức thực hiện của các địa phương; đồng thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Hàng năm, phối hợp với trường Cán bộ thanh tra Chính phủ tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ Ban Dân tộc các địa phương, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả các cuộc thanh tra CSDT.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chỉ đạo các địa phương tích cực giải quyết khiếu nại, tố cáo của đồng bào dân tộc ngay từ cơ sở nên không có vụ việc khiếu kiện đông người tại trụ sở UBND. Trong 05 năm 2011 - 2015, đã tiếp 78 lượt công dân⁴ và tiếp nhận 407 đơn⁵ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Đã xác minh, giải quyết kịp thời, dứt điểm 100% số đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thẩm quyền, không để xảy ra tình trạng đơn thư tồn đọng, kéo dài.

Ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các văn bản của Chính phủ, ý kiến Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) của Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí" và các chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến toàn thể cán bộ công chức, người lao động, đồng thời nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá

³ Thanh tra việc thực hiện Quyết định 975/QĐ-TTg ngày 20/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng ĐBKK; Chương trình 135: Chương trình 134, Chính sách cử tuyển đối với học sinh DTTS tại các địa phương; Chính sách đối với học sinh là người DTTS tại một số Trường Đại học

⁴ Năm 2011: 17 lượt; năm 2012: 22 lượt; năm 2013: 26 lượt; năm 2014: 12 lượt; 6 tháng/2015: 01 lượt

⁵ Năm 2011: 101 đơn; năm 2012: 109 đơn; năm 2013: 82 đơn; năm 2014: 115 đơn.

XI) “Về một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay”. Qua các đợt sơ kết, tổng kết trong cơ quan, đến nay chưa phát hiện vụ việc tham nhũng.

Hằng năm, tiến hành rà soát các khoản chi tiêu nhằm đảm bảo đúng quy định, góp phần phục vụ thiết thực nhiệm vụ chính trị của Ủy ban; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, tổ chức họp trực tuyến, thực hiện lồng ghép các đoàn công tác, điều chỉnh các nhiệm vụ chỉ lĩnh hoạt, hợp lý. Nhờ tiết kiệm chi hành chính từ năm 2011 đến nay, UBND đã có khoản tăng thu nhập để cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ công chức.

7. Từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước

7.1. Tăng cường tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân tộc

Bước vào đầu nhiệm kỳ, UBND khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 thay thế Nghị định 60/2008/NĐ-CP quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND, theo đó có thêm 01 đơn vị quản lý nhà nước và văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, không còn thành viên Ủy ban kiêm nhiệm đại diện 08 Bộ, ngành tham gia, UBND hoạt động như một bộ quản lý chuyên ngành.

Hằng năm, UBND rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế của các Vụ, đơn vị. Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức làm cơ sở điều chỉnh và luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ công chức. Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cấp chiến lược, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm cho các đối tượng cán bộ lãnh đạo theo Quyết định 262-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Để tăng cường công tác quản lý cán bộ đi vào nền nếp, UBND đã ban hành nhiều văn bản quản lý: Quy chế làm việc của Ủy ban, quy chế làm việc các vụ, đơn vị, quy chế trách nhiệm người đứng đầu, hướng dẫn công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm... Trong 05 năm 2011 - 2015, UBND đã tiếp nhận 87 công chức, viên chức (CCVC) từ các cơ quan, địa phương về công tác tại Ủy ban; rà soát, bổ sung quy hoạch 13 cán bộ Lãnh đạo Ủy ban, 150 lượt cán bộ lãnh đạo cấp Vụ, 109 lượt cán bộ lãnh đạo cấp phòng; tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm 02 Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBND nguồn tại chỗ, bổ nhiệm lại 04 Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban bổ nhiệm 47 lãnh đạo cấp Vụ, 44 lãnh đạo cấp phòng; bổ nhiệm lại 12 lãnh đạo cấp Vụ, 11 lãnh đạo cấp phòng; nâng ngạch và bổ nhiệm 14 chuyên viên cao cấp, 36 chuyên viên chính và 45 chuyên viên. Nhìn chung, công tác tiếp nhận, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, đánh giá cán bộ thực hiện đúng quy trình, quy định. Ngoài cơ quan làm CTDT, Ủy ban đã tổng hợp nắm tình hình cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS đang công tác tại các Bộ, ngành làm cơ sở để hoạch định, xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS thời kỳ mới.

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về dân tộc, quản lý nhà nước về CTDT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

UBDT, cơ quan CTDT các cấp, cán bộ làm CTDT các bộ, ngành liên quan, cán bộ DTTS⁶. Tổng hợp giai đoạn 2011 - 2015, UBDT đã cử 39 CCVC học cao cấp lý luận chính trị, 160 lượt CCVC đi học bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp; 54 CCVC học Quốc phòng - An ninh, 42 lượt CCVC tham gia học nâng cao trình độ, học sau đại học và hàng chục cán bộ đào tạo, bồi dưỡng theo đề án 165.

Thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW ngày 7/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, UBDT bám sát nhiệm vụ trọng tâm phát động phong trào thi đua hàng năm và các đợt thi đua chuyên đề, đổi mới tiêu chí bình xét, gắn kết quả công tác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả thực hiện kế hoạch CCHC với đánh giá công tác thi đua, khen thưởng. Tổ chức xét tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc, tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban cho cá nhân, tập thể trong và ngoài cơ quan, tổ chức quốc tế, các nước có nhiều đóng góp cho CTDT. Lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền phong tặng huân chương, danh hiệu Chiến sỹ thi đua Toàn quốc và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị và cá nhân theo đúng quy định⁷.

7.2. Thực hiện cải cách hành chính

Do điều kiện có gần 50% số Vụ, đơn vị phải thuê trụ sở, làm việc phân tán, không ổn định, cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ thông tin không đáp ứng yêu cầu, nên trong nhiều năm công tác cải cách hành chính (CCHC) của UBDT còn hạn chế. Để cải thiện chỉ số cuối cùng trong bảng xếp hạng CCHC (PAR INDEX) của 19 Bộ, ngành năm 2013, UBDT đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, tích cực tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2014-2015: Thành lập Ban Chỉ đạo CCHC của Ủy ban và tổ CCHC của các Vụ, đơn vị trực thuộc; ban hành kế hoạch CCHC và 25 văn bản chỉ đạo thực hiện, trọng tâm là kiện toàn tổ chức bộ máy, rà soát quy hoạch, đánh giá cán bộ, sửa đổi, bổ sung các quy chế, cải cách thủ tục hành chính; xây dựng trang CCHC trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban. Tổ chức 04 cuộc hội thảo, 01 lớp tập huấn, 06 đoàn kiểm tra nội bộ về công tác CCHC. Ban hành quy định đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác CCHC của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban. Hoàn thiện việc niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBDT tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBDT. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh áp dụng quy trình quản lý hệ thống chất

⁶ Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ CTDT, các lớp nghiệp vụ, kỹ năng chuyên ngành, tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc... cho hơn 1000 lượt người của các vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc. Tổ chức 3 khóa đào tạo nghiệp vụ công tác dân tộc (chương trình 3 tháng) cho 88 lượt HV.

⁷ Kết quả khen thưởng 5 năm 2011 - 2015: 06 tập thể và 37 lượt cá nhân được tặng Huân chương Lao động các hạng 1,2,3; 04 tập thể và lượt 32 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng; 04 cá nhân được tặng Danh hiệu Chiến sỹ Thi đua Toàn quốc, 03 tập thể được tặng Cờ Thi đua của Chính phủ; 110 lượt tập thể được UBDT tặng Cờ thi đua; 222 lượt tập thể và 797 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT; 89 lượt cá nhân được công nhận Chiến sỹ thi đua Cấp bộ và 364 lượt cá nhân được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở

lượng ISO 9001: 2008, sử dụng phần mềm Hệ điều hành tác nghiệp trong quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT để tiết kiệm thời gian, chi phí trong thực thi công vụ.

Đến nay, công tác CCHC tại Ủy ban đã có chuyển biến rõ rệt, nhất là về nhận thức, những hạn chế yếu kém từ năm 2013 trở về trước bước đầu cơ bản được khắc phục, có nội dung đã được khắc phục hoàn toàn⁸. Kết quả chỉ số CCHC của UBND năm 2014 xếp hạng 16/19 đơn vị, tăng 3 bậc so với năm 2013. Đây là tiền đề cơ sở để UBND tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC những năm tiếp theo.

8. Nghiên cứu khoa học về lĩnh vực công tác dân tộc

Nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản phục vụ quản lý nhà nước về CTDT ngày càng được quan tâm đổi mới cả về phương hướng và nội dung. Các đề tài, dự án khoa học công nghệ ngày càng tăng về số lượng⁹ và kinh phí, nội dung bám sát nhiệm vụ quản lý nhà nước và gắn liền với thực tiễn đặt ra đối với lĩnh vực CTDT, là cơ sở khoa học cho việc hoạch định, xây dựng các CSĐT, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về CTDT, cung cấp các luận cứ, quan điểm khoa học về CTDT phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học của Ủy ban đều bám sát các nhiệm vụ của Chiến lược CTDT đến năm 2020 và được thực hiện có hiệu quả. UBND đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều tra cơ bản 53 DTTS, đây là sự đổi mới, làm cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ hoạch định, xây dựng và đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

Nhằm tạo sự đột phá về công tác nghiên cứu khoa học phục vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả CTDT trong giai đoạn mới, UBND đã xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 "Những vấn đề cơ bản và cấp bách về DTTS và CSĐT ở Việt Nam đến năm 2030", mã số CTDT/16-20. Đây là lần đầu tiên UBND có chương trình khoa học cấp quốc gia, huy động đồng đảo lực lượng các nhà khoa học tham gia. Thực hiện Chỉ thị 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND đã phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ làm việc với các tổ chức nghiên cứu khoa học: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội... nhằm chuyển giao những kết quả nghiên cứu phục vụ xây dựng và tổ chức thực hiện các CSĐT.

9. Công tác xây dựng cơ bản

Được Thủ tướng Chính phủ quan tâm, cho phép UBND xây dựng trụ sở mới, năm 2010 dự án được phê duyệt nhưng do điều kiện kinh tế nước ta bị suy thoái, ngân sách nhà nước khó khăn, phải cắt giảm mạnh chi tiêu công nên thực tế

⁸ Các nội dung đã được khắc phục hoàn toàn như: công tác lập kế hoạch CCHC theo giai đoạn, theo năm và các văn bản chỉ đạo diễn hành được ban hành đầy đủ; báo cáo tháng, quý, năm và giao ban tuần, tháng, quý đã được triển khai đồng bộ.

⁹ Năm 2011: Không có đề tài dự án nào được triển khai; Năm 2012: Có 04 đề tài KHCN; Năm 2013: Có 05 đề tài KHCN, 05 dự án điều tra cơ bản, 03 dự án môi trường; Năm 2014: 03 đề tài KHCN, 04 dự án, 01 dự án môi trường; Năm 2015: 02 đề tài cấp Quốc gia, 02 đề tài KHCN, 1 đề án..

năm 2012 công trình trụ sở Ủy ban mới chính thức thi công, dự kiến hết đến năm 2017 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, UBND đã chủ trương xây dựng lại Nhà khách Dân tộc theo hình thức liên kết đầu tư (do không được NSNN cấp vốn). Tuy nhiên, việc lựa chọn nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn nên đến nay mới ký hợp đồng liên kết và phê duyệt dự án đầu tư, đã tổ chức động thổ, khởi công và dự kiến hoàn thành năm 2017.

II. PHỐI HỢP VỚI CÁC BỘ, NGÀNH CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC

Thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về CTDT và Quyết định 449/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược CTDT đến năm 2020, các Bộ, ngành đã triển khai rà soát các CSDT để sửa đổi, bổ sung, khắc phục những bất cập, yếu kém gửi UBND tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đến nay đã có 16 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020. Một số Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung, đề xuất xây dựng mới nhiều đề án, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DT&MN¹⁰. Trong giai đoạn 2011 - 2015, các Bộ, ngành đã nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 81 chính sách có liên quan đến vùng DT&MN (*Phụ lục số 05: Danh mục các đề án, chính sách thực hiện tại vùng DT&MN do các Bộ, ngành chủ trì xây dựng giai đoạn 2011 - 2016*).

Nhiều chính sách hỗ trợ vùng DT&MN do các Bộ, ngành chủ trì quản lý, chỉ đạo đã và đang thực hiện có hiệu quả. Trong 5 năm 2011 - 2015, kết quả thực hiện 15 Chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, nước sạch và vệ sinh môi trường...) cùng với các chính sách, chương trình, dự án khác (NQ 30a, chính sách hỗ trợ nhà ở, kiên cố hóa trường, lớp học, cử tuyển, hỗ trợ học sinh DTTS, bảo hiểm y tế, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, chính sách đối với học sinh thuộc 16 dân tộc dưới 10.000 người...) đã góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, tiếp tục làm thay đổi bộ mặt vùng DT&MN.

Các Bộ, ngành phối hợp với UBND trong việc xây dựng CSDT, ban hành các Thông tư, Thông tư liên tịch, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện chính sách. Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính phối hợp với UBND xác định nguồn vốn còn thiếu của các chương trình, chính sách, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt và huy động nguồn vốn ODA từ các đối tác phát triển. Các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tích cực phối hợp với

¹⁰ Các Bộ Giáo dục Đào tạo, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư Pháp ... đã ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 05/2011/NĐ-CP. Nhiều Bộ quản lý ngành đã xây dựng, ban hành chính sách mới như: Chính sách phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức DTTS trong thời kỳ mới; chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ vùng DTTS; chính sách đối với cán bộ về công tác ở địa bàn ĐBKK (Bộ Nội vụ); đưa chương trình hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng DTTS giai đoạn 2014 - 2020 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); tăng cường sự quan tâm, ưu tiên đầu tư xây dựng các xã trọng điểm, các xã biên giới (Bộ Quốc phòng).

UBDT trong việc đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện CTDT; ban hành nhiều chương trình công tác, kế hoạch cụ thể nhằm tham mưu có hiệu quả giải quyết những vấn đề nổi cộm như: Di cư tự do, giao đất giao rừng cho dân, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, công tác cán bộ và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên đã tổ chức kiểm tra, khảo sát và xây dựng báo cáo chuyên đề tổng kết đánh giá tình hình và kết quả thực hiện CSDT trong thời kỳ đổi mới ở các tỉnh Tây Nguyên.

Nhằm tăng cường thực hiện có hiệu quả lĩnh vực CTDT, UBDT đã ký chương trình phối hợp với 26 Bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo (*Phụ lục số 06: Danh mục các Chương trình phối hợp*). Qua đó, đã phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng vùng DT&MN. Hiện nay, UBDT đang chỉ đạo rà soát, tổng kết đánh giá, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình phối hợp với từng Bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện hiệu quả hơn.

III. THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Tỉnh ủy, HĐND, UBND các địa phương vùng DT&MN đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề; quyết định phê duyệt chương trình hành động, kế hoạch cụ thể của tỉnh về CTDT; ưu tiên bố trí thêm nguồn lực từ ngân sách địa phương để thực hiện CSDT đặc thù, phù hợp với thực tế của địa phương (*Phụ lục số 07 - Mô số chương trình, chính sách đặc thù địa phương giai đoạn 2011-2016*); kiện toàn tổ chức bộ máy làm CTDT; phân công trách nhiệm giúp đỡ từng xã nghèo, thôn nghèo, hộ nghèo. Đến nay, đã có 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020. Nhiều tỉnh đã tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận 57-KL/TW của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 7 khóa IX về CTDT như Quảng Ninh, Thanh Hóa, Bắc Giang, Kiên Giang, Hà Nội... Năm 2014, 100% các tỉnh tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các DTTS cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ II. Thực hiện Thông tư Liên tịch 04/2010/TTLT/UBND-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về CTDT thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các tỉnh vùng DT&MN đã kiện toàn tổ chức bộ máy làm CTDT, thực hiện tốt công tác luân chuyển, thay đổi lãnh đạo chủ chốt Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc để chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Các địa phương vùng DT&MN triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các CSDT, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Ban Dân tộc các tỉnh chủ trì tham mưu trong việc tổ chức điều tra xác định thực trạng tình hình KT-XH của các xã, thôn bản vùng DT&MN làm cơ sở phân định xã theo trình độ phát triển, xác định thôn ĐBKK làm cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục diện đầu tư các CSDT; hàng năm, phối hợp các Sở, ngành tham mưu triển khai phân bổ kinh phí, giao kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án, CSDT; tham mưu xây dựng các văn bản hướng dẫn các huyện lựa chọn nhu cầu, đối tượng, lập kế hoạch thực hiện đề án... Cơ quan CTDT các địa phương thường xuyên nắm bắt tình hình vùng

đồng bào dân tộc, kịp thời giải quyết những vấn đề nổi cộm phát sinh; tổ chức kiểm tra, thanh tra thực hiện các CSDT, phát hiện những khó khăn vướng mắc để tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả của dự án, chính sách; tổ chức cấp gạo cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh; thăm hỏi, động viên đồng bào DTTS nghèo, gia đình chính sách, người có công, người có uy tín, học sinh DTTS nghèo, gia đình ĐBKK nhân dịp Tết cổ truyền dân tộc và các ngày Lễ lớn.

IV. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN TỘC NHIỆM KỲ 2011 - 2016

1. Những ưu điểm, thành tựu đạt được

1.1. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban Dân tộc

1.1.1. Kết quả thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016

Tổng hợp kết quả đạt được khẳng định UBNDT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2011 - 2016, nổi bật là tham mưu ban hành Nghị định 05/2011/NĐ-CP về CTDT, Nghị định 84/2012/NĐ-CP, Chiến lược CTDT đến năm 2020; tham mưu phối hợp xây dựng các Nghị quyết 539/NQ-QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS, Nghị quyết Số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo thực hiện các CSDT, chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển KT-XH, hỗ trợ giảm nghèo ở các xã, thôn, bản có điều kiện KT-XH khó khăn, ĐBKK vùng DTTS và miền núi, xã biên giới, xã an toàn khu, vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao; hoàn thành các nhiệm vụ được Chính phủ phân công theo Nghị quyết 06/NQ-CP và các nhiệm vụ đột xuất khác trong chương trình công tác hàng năm.

UBNDT đã chỉ đạo, tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc (Đại hội DTTS, tuyên dương học sinh DTTS học giỏi, thăm Trường Sa, tổ chức cuộc thi Trình diễn trang phục truyền thống các dân tộc...); xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ sở khoa học, lý luận phục vụ quản lý nhà nước về CTDT và đóng góp xây dựng nội dung về CTDT trong Văn kiện Đại hội Đảng XII; nắm bắt tình hình vùng DT&MN ngày càng sâu sát; sự phối hợp với các Bộ, ngành ngày càng chặt chẽ; công tác tuyên truyền, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh; công tác CCHC có nhiều chuyển biến rõ nét; công tác thông tin, báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được thực hiện nghiêm túc; tổ chức bộ máy làm CTDT tiếp tục được hoàn thiện. Qua đó, CTDT cả nước ngày càng được quan tâm, chú trọng và phát huy hiệu quả; vai trò, vị trí của UBNDT đối với CTDT ngày càng được nâng lên

Nhận thức về CTDT đã có sự chuyển biến rõ rệt trong toàn bộ hệ thống chính trị cả nước từ Trung ương đến địa phương. Các cấp, các ngành đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, thể hiện rõ trách nhiệm với vùng DT&MN. Cơ quan CTDT các địa phương ngày càng hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu

tổ chức bộ máy, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tăng cường mối quan hệ với các Sở, ban, ngành, bám sát thực tiễn và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Việc thực hiện có hiệu quả CTDT và các CSDT nhiệm kỳ 2011 - 2016 đã góp phần quan trọng ổn định, cải thiện, nâng cao mọi mặt đời sống của đồng bào vùng DT&MN, góp phần tích cực xây dựng nông thôn mới. Nổi bật là hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, xây dựng, từng bước hoàn thiện và đồng bộ hóa: 98% xã có đường ô tô đi lại quanh năm, 82% số thôn có đường cho xe cơ giới (năm 2010 đạt 80,7%), trong đó có 30% xã và 40% thôn có đường giao thông đạt chuẩn; tăng tỷ lệ xã có điện từ 84,6% (năm 2010) lên hơn 90% với gần 70% hộ được dùng điện; gần 100% xã có đủ trường lớp học kiên cố, trạm y tế, nhà văn hóa...). Đời sống vật chất và tinh thần đồng bào các DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hơn bình quân chung cả nước¹¹. Tỷ lệ hộ nghèo của các xã, thôn bản ĐBKK giảm trung bình 3,5% năm; đến hết năm 2014, số hộ nghèo DTTS còn hơn 663.000 hộ, giảm từ 60% năm 2010 xuống còn 46,66% so với tổng số hộ nghèo toàn quốc. Đến hết năm 2015 có 80 xã ĐBKK (của 23 tỉnh) và 366 thôn, bản ĐBKK (của 30 tỉnh) hoàn thành mục tiêu của Chương trình 135. Trật tự, an toàn xã hội được ổn định; an ninh, quốc phòng được giữ vững. Đồng bào các DTTS đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

1.1.2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2011 - 2016

Nghiêm túc triển khai thực hiện chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016, UBND đã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung, tinh thần của Nghị quyết trong toàn ngành và ban hành Chương trình hành động CTDT khóa XIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 với 07 nhiệm vụ trọng tâm. Bộ trưởng, Chủ nhiệm trực tiếp chỉ đạo và phân công các đồng chí Thứ trưởng, phó Chủ nhiệm phụ trách theo lĩnh vực, tập trung lãnh đạo các Vụ, đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Ủy ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, ban hành ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết. Vì vậy đến nay các nhiệm vụ trọng tâm của UBND trong nhiệm kỳ 2011 - 2016 đã cơ bản hoàn thành, nổi bật là:

1. Tham mưu ban hành Chiến lược về CTDT.
2. Thành lập Học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực cho vùng DTTS và miền núi.
3. Rà soát, ban hành các chương trình, CSDT giai đoạn 2011 - 2016.
4. Xây dựng Chương trình Phát triển KT-XH giảm nghèo các xã, thôn, bản ĐBKK vùng DT&MN giai đoạn 2011 - 2020 (Chương trình CT 135-III).

¹¹ Một số vùng đã có bước phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch lao động theo hướng tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2014 cả nước là 5,97%, giảm 5,79% so với năm 2011. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc và miền núi giảm nhanh hơn: các tỉnh vùng Đông bắc giảm 9,05%. Tây Bắc giảm 10,26%. Bắc Trung bộ giảm 9,02%, Tây Nguyên giảm 8,40%, Đồng bằng sông Cửu Long giảm 5,91%.

5. Xây dựng trụ sở cơ quan UBND và Khách sạn Dân tộc.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hệ thống cơ quan làm CTDT từ trung ương đến cơ sở.

UBND đang tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ còn lại: Xây dựng Đề án bộ cơ sở dữ liệu về các DTTS Việt Nam; Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam.

Những nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành và đang thực hiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo chuyển biến cả về lượng và chất đối với CTDT, mở ra hướng phát triển mới, nâng cao vị thế cơ quan quản lý nhà nước về CTDT sau này.

1.2. Một số hoạt động, sự kiện nổi bật về CTDT nhiệm kỳ 2011 - 2016

Qua tổng kết CTDT nhiệm kỳ 2011-2016, UBND rút ra 10 sự kiện nổi bật như sau:

(1) Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011; đây là văn bản pháp lý cao nhất để thực hiện quản lý nhà nước về CTDT, là cơ sở hoạch định chính sách phát triển toàn diện KT-XH, giảm nghèo nhanh và bền vững vùng DT&MN, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo quốc phòng an ninh, thực hiện mục tiêu: "Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển".

(2) Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược CTDT đến năm 2020 (Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/3/2013) và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020 (Quyết định số 2356/QĐ-TTg, ngày 04/12/2013). Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm giải quyết khó khăn, thách thức đặt ra ở vùng DT&MN.

(3) Tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam lần thứ nhất (năm 2010); Đại hội các DTTS cấp tỉnh, huyện lần thứ 2 (năm 2014), củng cố, tăng cường niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

(4) Tổ chức Đoàn đại biểu 54 dân tộc Việt Nam đi thăm, động viên quân và dân huyện đảo Trường Sa và nhà giàn DK1. Đây là chuyến thăm có ý nghĩa sâu sắc, khẳng định khối đại đoàn kết các dân tộc, đồng lòng chung sức giữ gìn và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

(5) Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị toàn quốc đánh giá CSDT giai đoạn 2006-2012 và định hướng xây dựng chính sách giai đoạn tiếp theo. Sau Hội nghị, nhiều chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DT&MN đã được ban hành.

(6) Chủ trì Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030", tạo sự đột phá về nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CTDT trong thời gian tới.

(7) Thủ tướng Chính phủ đồng ý thành lập Học viện Dân tộc để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực vùng DT&MN. Thể hiện sự quan

tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, góp phần phát triển nhanh nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

(8) Tổ chức thành công trình diễn trang phục truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam lần thứ nhất, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc Việt Nam.

(9) Biên soạn Lịch sử 65 năm cơ quan CTDT (1946-2011), đề xuất với Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương đổi tên UBĐT thành Bộ Dân tộc nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT trong giai đoạn tới.

(10) Xây dựng trụ sở làm việc của UBĐT và Khách sạn Dân tộc, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của UBĐT.

2. Một số khó khăn, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1. Một số hạn chế, yếu kém

2.1.1. Về công tác quản lý, chỉ đạo điều hành

Việc xây dựng một số đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn chậm, chất lượng chưa cao. Công tác nắm tình hình địa bàn, kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện CSDT có lúc thiếu sâu sát, chậm phát hiện và giải quyết các bất cập, vướng mắc. Năng lực tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện chính sách của một số Vụ, đơn vị còn hạn chế. Công tác phối hợp giữa UBĐT với một số Bộ, ngành, địa phương có lúc thiếu chặt chẽ, nhất là trong việc phân bổ kế hoạch vốn hằng năm, xảy ra tình trạng vốn cấp thực hiện một số CSDT không đồng bộ, không đầy đủ, chưa kịp thời. UBĐT chưa thực hiện tốt chức năng thẩm định việc xây dựng, ban hành một số chính sách có liên quan đến vùng DT&MN; chưa phát huy được vai trò hỗ trợ, tham vấn của các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học trong việc hoạch định và xây dựng CSDT. Công tác CCHC chưa đạt mục tiêu đề ra.

Một số Bộ chậm triển khai nhiệm vụ theo Nghị định số 05 về CTDT, đến nay còn 03 Bộ¹² chưa xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; việc chấp hành chế độ báo cáo thực hiện CTDT chưa đầy đủ, kịp thời...

2.1.2. Về thực hiện chính sách dân tộc

Chính sách cho đồng bào dân tộc còn bị gián đoạn trong thời gian đầu nhiệm kỳ (Chương trình 135 đến tháng 12 năm 2011 mới có vốn; quyết định 1592/QĐ-TTg năm 2013 không có vốn; quyết định 74/2008/QĐ-TTg trong 3 năm 2011 - 2013 không có vốn...). Nguồn lực bố trí thực hiện các chính sách, chương trình, dự án rất thấp so với kế hoạch và nhu cầu vốn; tình trạng vốn cấp không đồng bộ, thiếu kịp thời chưa được khắc phục. Trên cùng một địa bàn có nhiều chính sách của các Bộ, ngành cùng thực hiện nhưng chưa xây dựng được cơ chế lồng ghép vốn các chính sách. Cơ chế chính sách, định mức đầu tư, hỗ trợ của

¹² Các Bộ: Tư pháp, Y tế, Thông tin và Truyền thông.

một số chính sách không còn phù hợp với thực tế nhưng chưa sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Một số văn bản hướng dẫn thực hiện CSĐT ban hành chậm dẫn đến tình trạng các địa phương khó khăn trong triển khai thực hiện và ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách. Một số chính sách còn trùng lặp về nội dung và đối tượng, chồng chéo về địa bàn và đầu mối quản lý (Chương trình 135 và Nghị quyết 30a...). Chưa có cơ chế chính sách khuyến khích hộ gia đình và địa phương vùng DT&MN vươn lên thoát nghèo. Nhiều chính sách hết hiệu lực vào năm 2015 nhưng không đạt được mục tiêu đề ra (gồm các quyết định: số 755/QĐ-TTg, số 29/2013/QĐ-TTg, số 33/2013/QĐ-TTg, số 54/2012/QĐ-TTg, số 2672/QĐ-TTg).

Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện CSĐT, tiến độ thực hiện các CSĐT còn chậm, thường dồn vào cuối năm. Vẫn còn hiện tượng đầu tư dàn trải, chưa lồng ghép có hiệu quả các chính sách, nguồn vốn trên cùng địa bàn. Chưa quan tâm chú trọng đúng mức kiện toàn bộ máy, cán bộ làm CTĐT, nhất là việc bố trí cán bộ chủ chốt của cơ quan làm CTĐT. Đến nay vẫn còn 09 địa phương¹³ chưa xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược CTĐT đến năm 2020. Nhiều địa phương chưa chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; nội dung báo cáo chưa đầy đủ, kịp thời, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành chung.

2.1.3. Tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức

Kết cấu hạ tầng KT-XH còn thấp kém, nhất là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, cơ sở y tế, trường học. Đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn rất cao, nguy cơ tái nghèo lớn (nhiều huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, cá biệt có nơi trên 70%). Nhiều nơi đồng bào DTTS thiếu đất sản xuất, nhưng khó chuyển đổi nghề vì đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu. Chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực còn thấp, nhiều sinh viên DTTS tốt nghiệp chưa tìm được việc làm. Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ người DTTS ở một số địa phương còn yếu. Văn hóa truyền thống của một số dân tộc bị mai một. Môi trường sinh thái nhiều nơi bị hủy hoại, đáng báo động. An ninh trật tự vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Vùng DT&MN vẫn là "lỗi nghèo" của cả nước.

2.2. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Vùng DT&MN là địa bàn ĐBKK, địa hình chia cắt, xa xôi cách trở với các trung tâm, khí hậu diễn biến phức tạp, thiên tai bất thường xảy ra gây hậu quả lớn. KT-XH vùng DT&MN có xuất phát điểm rất thấp, cơ sở hạ tầng kém, thiếu đất sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp.

¹³ Bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Cần Thơ.

CTDT là lĩnh vực tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, có lĩnh vực nhạy cảm, khó khăn, phức tạp.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của một số cán bộ các ngành, các cấp về CTDT chưa sâu sắc, toàn diện. Sự phối hợp của UBND với các Bộ, ngành, địa phương có việc còn hạn chế. Nguồn lực đầu tư vào vùng DT&MN còn ít, nhất là kinh phí thực hiện các CSDT. Chưa có cơ chế khuyến khích các địa phương thu hút và lồng ghép nguồn lực. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách chưa thường xuyên.

Một số địa phương chưa huy động được nguồn lực thực hiện CSDT, có dự án bố trí vốn đầu tư dàn trải, thực hiện kéo dài, hiệu quả không cao. Một số địa phương chưa quan tâm bố trí cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo làm CTDT, chưa giao nhiệm vụ thường trực thực hiện CSDT cho Ban Dân tộc.

Hiện nay, Nghị định số 05/NĐ-CP về CTDT là văn bản QPPL cao nhất nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực CTDT trong tình hình mới.

3. Một số bài học kinh nghiệm về thực hiện công tác dân tộc

Thứ nhất là, phải có nhận thức thật sự đúng đắn về CTDT, coi CTDT là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, thể hiện nhận thức đó thành tư tưởng và hành động cụ thể về CTDT.

Thứ hai là, phải bám sát sự lãnh đạo của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về CTDT; cụ thể hóa Chỉ thị, Nghị quyết thành những chính sách, chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, đồng bộ và thống nhất. Trong quá trình thực hiện cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành; tính chủ động tích cực của địa phương là quyết định và phát huy dân chủ, tinh thần làm chủ, tự lực của nhân dân trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện CSDT nói riêng và CTDT nói chung.

Thứ ba là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật cho đồng bào DTTS; nâng cao hiệu quả công tác thanh, kiểm tra thực hiện CSDT; đi sâu, đi sát nắm bắt tình hình vùng DT&MN, nắm chắc diễn biến tâm tư tình cảm của đồng bào; kịp thời giải quyết các vụ việc "nóng", nhạy cảm phát sinh ngay tại cơ sở.

Thứ tư là, xây dựng và ban hành các CSDT phải phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao; phải bố trí đủ nguồn vốn thực hiện các chính sách đã ban hành. Thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; chú trọng huy động nguồn lực hỗ trợ của doanh nghiệp, các nước và các tổ chức quốc tế.

Thứ năm là, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm CTDT từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng DTTS. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào DTTS.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Tình hình quốc tế

Tình hình thế giới đang thay đổi nhanh, phức tạp và khó lường. Trong giai đoạn 2016 - 2020, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo, tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng cùng với những vấn đề toàn cầu khác như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên... buộc các quốc gia phải có chính sách đối phó và phối hợp hành động.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á bước vào thời kỳ hợp tác mới theo Hiến chương ASEAN và thành lập Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: Chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội, lấy con người làm trung tâm. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực; hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn (AFTA, TPP); tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, nhất là tranh giành ảnh hưởng, tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông...

2. Tình hình trong nước

Những năm qua, KT-XH nước ta vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, từng bước thoát khỏi suy thoái, tiếp tục phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, CTDT cũng đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, góp phần đáng kể phát triển KT-XH vùng DT&MN. Tuy nhiên, hiện nay vùng DT&MN vẫn là vùng khó khăn nhất cả nước, đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết: Đời sống của đồng bào DTTS đã được cải thiện nhưng tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo rất cao, nhiều nơi còn đói giáp hạt. Trình độ sản xuất còn lạc hậu, manh mún, chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa. Bên cạnh cơ hội và thuận lợi, việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do và hội nhập quốc tế cũng tạo ra nhiều khó khăn, thách thức, cùng với sự biến đổi khí hậu đã tác động không nhỏ đến sản xuất, đời sống, văn hóa, xã hội vùng DT&MN. Môi trường suy thoái, cơ sở hạ tầng thấp kém, nhất là giao thông đi lại rất khó khăn, chưa hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư. Chất lượng giáo dục đào tạo còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ cơ sở chưa cao. Công tác y tế chăm sóc sức khỏe còn nhiều bất cập, nhất là cơ sở vật chất và cán bộ y tế còn rất thiếu và yếu. Văn hóa một số dân tộc đang bị mai một. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn... Đây là những vấn đề nhạy cảm dễ bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng để tuyên truyền, lôi kéo đồng bào DTTS, gây mất ổn định cục bộ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Quan điểm về công tác dân tộc

1.1. Quan điểm, đường lối về công tác dân tộc của Đảng

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào DTTS, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, CSĐT của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

1.2. Định hướng chính sách dân tộc

CSĐT phải đồng bộ, đa mục tiêu, phát triển toàn diện KT-XH, xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, thu hẹp khoảng cách giữa vùng dân tộc với các vùng khác.

Đa dạng hóa nguồn lực, đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các CSĐT, trong đó ngân sách Nhà nước là chủ yếu.

Xây dựng chính sách theo hướng ổn định dài hạn, tăng cho vay, giảm cho không, ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm (chú ý đối với nhóm 16 DTTS rất ít người); phân cấp mạnh cho địa phương, nâng cao vai trò giám sát, tham gia của người dân, có cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của UBND và hệ thống cơ quan CTDT trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ người DTTS ở địa phương và năng lực giám sát, điều phối, đánh giá hiệu quả thực hiện của chính quyền các cấp.

2. Mục tiêu công tác dân tộc

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KT-XH vùng DT&MN nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc, vùng miền; tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH, xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ là người DTTS; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; tăng cường chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo quốc phòng an ninh; tiếp tục hoàn thiện chức năng,

nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan quản lý nhà nước về CTDT từ Trung ương đến cơ sở.

2.2. Một số chỉ tiêu cụ thể

Bình quân mỗi năm giảm 3% - 4% hộ nghèo DTTS. Xóa nhà ở dột nát, trên 70% nhà ở đạt tiêu chuẩn. Thu nhập bình quân đầu người vùng DTTS tăng lên gấp 2,5 lần so với hiện nay.

Trong hệ thống chính trị các cấp, nhất là hệ thống cơ quan hành chính nhà nước vùng DTTS phải đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ người DTTS; ở cơ quan lãnh đạo các cấp nhất thiết phải có cán bộ là người DTTS, địa phương vùng DT&MN có cán bộ chủ chốt là người DTTS.

100% đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa và trên 50% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật được quy định trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; trên 95% hộ sử dụng điện thường xuyên; trên 90% hộ DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 40% trở lên số hộ sử dụng nước sạch sinh hoạt mức 60lit/người/ngày; trên 45% hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh; các xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; internet đến hầu hết các thôn, bản. 100% hộ DTTS được xem truyền hình; trên 90% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia và có bác sĩ khám chữa bệnh cho nhân dân.

Trên 70% cán bộ công chức cấp xã được đào tạo, trong đó 50% đạt trình độ chuẩn hóa; 50% lao động trong độ tuổi người DTTS được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trong đó ít nhất 20% được đào tạo nghề; 100% trường học PTDT nội trú được kiên cố, có nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá cho học sinh; duy trì 100% xã phổ cập giáo dục tiểu học, trên 95% trẻ em DTTS đi học đúng tuổi bậc tiểu học; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 50% lao động xã hội...

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2016 - 2020

3.1. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững vùng dân tộc và miền núi

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động người DTTS; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu và tranh chấp đất sản xuất, đất ở cho đồng bào vùng DT&MN. Tập trung nguồn lực thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ vùng DT&MN như nhà ở, quy hoạch dân cư hộ nghèo, hộ sống ở vùng bão, lũ, ven sông, suối theo hướng ổn định, phát triển bền vững.

3.2. Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc và miền núi

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH địa bàn DTTS, trước hết là hoàn thành việc xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, trung tâm các xã, thôn, bản; đảm bảo điện thắp sáng,

các công trình nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, chợ; gắn với sắp xếp, ổn định dân cư thuận lợi cho phát triển; hạn chế tình trạng di cư tự do. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người DTTS.

3.3. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đảng về đổi mới cơ bản, toàn diện nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả trường phổ thông dân tộc nội trú; xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp cho học sinh, sinh viên là người DTTS. Thực hiện các chương trình, mô hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, hình thành thể hệ nông dân mới, biết ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường trong vùng DTTS. Sắp xếp lại mục tiêu đào tạo hệ thống các trường đại học, trường dạy nghề ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực người DTTS. Ưu tiên giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên DTTS sau khi tốt nghiệp. Thực hiện công tác luân chuyển, chính sách khuyến khích, thu hút các nhà khoa học, nhà quản lý giỏi đến tham gia phát triển KT-XH các xã vùng cao, biên giới, vùng ĐBKK. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS.

3.4. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội vùng dân tộc và miền núi

Nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế của trạm y tế xã, bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện tuyến tỉnh. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho người DTTS. Phát triển mạnh y tế dự phòng, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Tiếp tục kiểm chế và giảm mạnh lây nhiễm HIV, phát triển mạnh y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại.

Xây dựng và thực hiện chiến lược về nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên các DTTS. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là các DTTS rất ít người. Giảm thiểu tình trạng hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ; chăm sóc và bảo vệ quyền trẻ em DTTS; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng DT&MN gắn với di tích

lịch sử ở từng vùng, từng địa phương; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin; nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, suy thoái đạo đức, lối sống.

3.5. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, củng cố an ninh nông thôn vùng dân tộc và miền núi

Xây dựng và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể đến từng bản, làng, phum, sóc; trước mắt cần rà soát, khắc phục tình trạng trắng tổ chức đảng và đảng viên ở cấp thôn, bản DTTS. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, quan tâm phát hiện nguồn, quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ người DTTS, nhất là ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung. Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chủ động nắm chắc diễn biến tình hình, giải quyết những mâu thuẫn nội bộ ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, chủ động ngăn chặn các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết dân tộc thông qua “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động đồng bào các DTTS.

Tập trung giải quyết tình trạng du canh du cư, di cư tự do, lao động xuất cảnh trái phép, chặt phá rừng, khiếu kiện tranh chấp đất đai, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, buôn bán ma túy, lường gạt buôn bán phụ nữ, trẻ em... nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng vùng DT&MN.

3.6. Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi

Huy động và lồng ghép các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách đặc thù, các chương trình phát triển KT-XH ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản ĐBKK. Sửa đổi tiêu chí phân định địa bàn vùng DT&MN theo trình độ phát triển phù hợp với chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều để có chính sách bố trí nguồn lực đầu tư cho phù hợp. Đối với những địa bàn DTTS quá khó khăn, không thể sản xuất được, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ ổn định lương thực và các nhu yếu phẩm cần thiết để người dân yên tâm giữ gìn tài nguyên, bảo vệ an ninh biên giới.

Đối với vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung cần tiếp tục quán triệt thực hiện tốt các chính sách phát triển KT-XH vùng DT&MN theo các nghị quyết của Bộ Chính trị. Tập trung giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào DTTS và hệ thống chính trị cơ sở.

Đánh giá các chính sách đã thực hiện trong việc đầu tư cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường trong vùng DTTS; xác định nhu cầu, đề xuất chính sách để giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước sinh hoạt, ô nhiễm môi trường, đảm bảo đủ nước sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch. Hỗ trợ người dân vùng

DT&MN trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.7. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở.

Thực hiện chuyển đổi UBND thành Bộ Dân tộc, chuyển các Ban Dân tộc thành Sở Dân tộc cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy làm CTDT trong tình hình mới. Xây dựng Học viện Dân tộc chuyên đào tạo đội ngũ trí thức, cán bộ vùng DTTS, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoàn thiện xây dựng Trụ sở UBND và ổn định nơi làm việc, cơ sở vật chất của các Vụ địa phương; chuẩn bị xây dựng khu liên cơ quan hành chính sự nghiệp của UBND. Có chính sách luân chuyển và đãi ngộ thỏa đáng cán bộ làm CTDT từ Trung ương đến cơ sở, cán bộ là người DTTS.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với BCH TW Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1.1. Cho chủ trương đổi tên UBND thành Bộ Dân tộc và xây dựng Luật Dân tộc.

1.2. Đề nghị có Chỉ thị riêng của Đảng về công tác cán bộ làm CTDT và cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị.

1.3. Tổ chức tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 24 - NQ/TƯ về CTDT và ban hành Nghị quyết mới thay thế cho phù hợp với tình hình mới.

2. Kiến nghị với Quốc hội.

2.1. Qua tổng kết thực tiễn, đề nâng cao vai trò, vị trí và thực hiện tốt chức năng tham mưu quản lý nhà nước về CTDT, đề nghị Quốc hội và Chính phủ xem xét, cho phép UBND thực hiện đề án đổi tên UBND thành Bộ Dân tộc.

2.2. Đưa nhiệm vụ xây dựng Luật Dân tộc vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội ngay từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2.3. Có cơ chế hiệu quả trong việc quyết định các CSĐT, đặc biệt là bố trí vốn thực hiện CSĐT.

2.4. Tăng cường công tác giám sát thực hiện các chương trình, dự án, chính sách liên quan đến giảm nghèo thực hiện tại vùng DT&MN.

3. Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3.1. Phê duyệt đề án và trình Bộ Chính trị, Quốc hội cho phép đổi tên UBND thành Bộ Dân tộc để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.2. Chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan thực hiện hiệu quả Nghị định 05/2011/NĐ-CP về CTDT và Chiến lược CTDT đến năm 2020 và phối hợp với UBND xây dựng dự thảo Luật Dân tộc trình Quốc hội.

3.3. Chỉ đạo các Bộ, ngành thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với UBND trong việc bố trí, phân bổ nguồn vốn, trả lời, góp ý, thẩm định, ban hành các CSDT, kiểm tra, tổng hợp báo cáo CTDT.

3.4. Phê duyệt các đề án chính sách, chương trình, dự án của UBND đã trình Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là đề án các chính sách đặc thù, CT135 và thành lập Học viện Dân tộc gắn với việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DT&MN.

3.5. Có chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ là người DTTS; có cơ chế đặc thù tuyển thẳng sinh viên DTTS tốt nghiệp đại học chính quy loại khá, giỏi vào công tác tại cơ quan CTDT; có chính sách ưu đãi cho cán bộ làm CTDT, cán bộ là người DTTS ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- TTCP Nguyễn Tấn Dũng (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Hội đồng DTQH;
- VPTW Đảng;
- Ban CĐ Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành TW;
- UBND 52 tỉnh thành phố vùng DT và MN;
- Bộ trưởng, CN UB và các TT, PCN;
- Các Vụ, đơn vị thuộc UBND (để t/h);
- Cơ quan CTDT các địa phương (để t/h);
- Công TTĐT UBND;
- Lưu: VT, TH3b.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Hà Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 459/SY-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 3 năm 2016

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- PVPNN, KI;
- Lưu: VT (08b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi



PHỤ LỤC SỐ 01

CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH
ĐOÀN ƯỚP DÂN TỘC NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
1	Nghị định về công tác dân tộc	Nghị định 05/2011/NĐ-CP				Nghị quyết 06/NQ-CP
2	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS	Quyết định 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2011				
3	Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hù, Cống, Cờ Lao”	Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011				Nghị quyết 06/NQ-CP
4	Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011				
5	Xây dựng tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015.	Quyết định 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012				Nghị quyết 06/NQ-CP
6	Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	Quyết định 54/2012/QĐ-TTg ngày 4/12/2012				Nghị quyết 06/NQ-CP

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
7	Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển KT – XII vùng dân tộc, miền núi	Quyết định 2214/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013				Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
8	Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2011 – 2020; Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020	Quyết định 449/2013/QĐ-TTg ngày 12/3/2013; QĐ 2356/QĐ-TTg				Nghị quyết 06/NQ-CP
9	Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã ĐBKK, xã biên giới, xã A1K, thôn ĐBKK giai đoạn 2013 – 2020 (Chương trình 135)	Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013				Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn giai đoạn 2012 – 2016	Quyết định 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013				Nghị quyết 06/NQ-CP
11	Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS	Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013				Quyết định 2356/QĐ-TTg
12	Sửa đổi Quyết định 18/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS	Quyết định 56/2013/QĐ-TTg ngày 17/10/2013				Quyết định 2356/QĐ-TTg
13	Sửa đổi Quyết định 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS & MN, vùng ĐBKK giai đoạn 2012 -2015	Quyết định 1977/2013/QĐ-TTg ngày 30/10/2013				

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
14	Nghị định về hoạt động của Thanh tra Ủy ban dân tộc (thay thế Nghị định 10/2006/NĐ-CP)				X	Nghị quyết 06/NQ-CP
15	Đề án chính sách ưu đãi đặc thù ưu đãi khuyến khích, thu hút các tổ chức, các nhân, doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội DBKK.				Không ban hành vì trùng lập nội dung CS của Bộ, ngành khác (Văn bản số 2697/VPCP-TCCB ngày 05/4/2013)	Nghị quyết 06/NQ-CP
16	Đề án chính sách đặc thù hỗ trợ ĐC ĐC cho đồng bào xã, thôn bản ĐBKK có nhiều núi đá, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai nặng nề				Không ban hành vì trùng lập nội dung CS của Bộ, ngành khác	Nghị quyết 06/NQ-CP
17	Đề án chính sách bảo tồn, phát triển ngành nghề truyền thống cho các vùng DT&MN				Không ban hành vì trùng lập nội dung CS của Bộ, ngành khác	Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
18	Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ cho các hộ cận nghèo, các hộ thoát nghèo ở các xã, thôn bản ĐBKK vùng DT&MN đến giai đoạn 2012 – 2016 để thoát nghèo bền vững				Không ban hành vì trùng lập nội dung CS của Bộ, ngành khác	Nghị quyết 06/NQ-CP
19	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách đầu tư hỗ trợ ổn định dân cư đối với đồng bào DTTS di cư tự do				Xin đưa ra khỏi chương trình công tác của CP	Nghị quyết 06/NQ-CP
20	Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực công tác dân tộc				Xin đưa ra khỏi chương trình công tác của CP	Nghị quyết 06/NQ-CP
21	Đề án hỗ trợ phát triển KT – XH các dân tộc ít người giai đoạn 2011 – 2015				UBND đã có Báo cáo 22/BC-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2015 đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ chủ trương đầu tư Đề án hỗ trợ phát triển KT – XH các dân tộc ít người giai đoạn	Nghị quyết 06/NQ-CP

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
					2015 – 2020 (NQ06: đến năm 2020)	
22	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nâng mức Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn				X	
23	Dự án bảo tồn đối với nhóm dân tộc ít người				X	
24	Đề án Chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các xã có đông đồng bào DTTS ở biên giới Việt - Trung giai đoạn 2014 – 2020					
25	Quyết định thay thế Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Quyết định 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 06 năm 2014				Công văn số 126/VPCP-TTg ngày 20/01/2014
26	Xây dựng đề án Chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng DTTS ven đô thị, thị trấn, thị tứ			Đề nghị ghép với đề án "Đề án chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, định hướng 2030"		Quyết định 250/QĐ-TTg ngày 13/02/2014
27	Công tác truyền thông cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030			Đã tiến hành lồng ghép Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng		Quyết định 2356/QĐ-TTg

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
				đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2016-2020"		
28	Đề án giao đất, giao rừng cho cộng đồng vùng dân tộc thiểu số để tạo sinh kế và môi trường bền vững				Đề nghị chuyên Bộ NN&PTNT chủ trì đề phù hợp với chức năng quản lý NN	Quyết định 2356/QĐ-TTg
29	Đề án xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam				Tạm dừng, chờ Thủ tướng chính phủ cho phép trình khi đủ điều kiện	NQ06, QĐ2356
30	Đề án xây dựng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.				Công văn số 9878/VPCP-V.III, Cho phép UBND ngừng xây dựng Đề án, rút Đề án ra khỏi Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2014	Quyết định 2356/QĐ-TTg
31	Đề án "Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc"	Đã có Quyết định phê duyệt đề án, hiện nay đang triển khai thực hiện Đề án. Năm 2014 ban hành Thông tư về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công tác dân tộc				Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
32	Đề án Điều tra thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số Việt Nam	Quyết định 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2015				Quyết định 2356/QĐ-TTg
33	Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025"	Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14 tháng 04 năm 2015				Quyết định 2356/QĐ-TTg
34	Một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015	QĐ 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015				
35	Đề án "Tổ chức Đại hội Đại biểu dân tộc thiểu số lần thứ 2 cấp địa phương"	Hiện nay các địa phương đã tổ chức xong Đại hội cấp tỉnh, huyện lần 2.				Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
36	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.		X			Quyết định 2356/QĐ-TTg
37	Đề án xây dựng cơ chế tập trung nguồn lực để thực hiện các chính sách hiện hành nhằm ổn định đời sống cho đồng bào di cư tự do phía Lào trao trả".					Quyết định 2627/QĐ-TTg ngày 31/12/2013
38	Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc rất ít người giai đoạn 2016 – 2025		X			Quyết định 2356/QĐ-TTg
39	Đề án Chính sách sắp xếp, ổn định dân cư cho người di cư tự do từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trở về nước	QĐ 162/QĐ-TTg, ngày 25/01/2016				Quyết định 2627/QĐ-TTg ngày 31/12/2013

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
40	Đề án đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đến năm 2020, định hướng đến năm 2030		X			Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
41	Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2015-2020.		X			
42	Chiến lược Hội nhập quốc tế về công tác dân tộc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.			X		NQ 22-NQ/TW ngày 10/04/2013; NQ 31/NQ-CP ngày 13/5/2014
43	Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020.		X			Quyết định 2356/QĐ-TTg
44	Đề án tăng cường vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.		X			Quyết định 276/QĐ-TTg ngày 18/02/2014
45	Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017 - 2021			X		Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg
46	Chương trình khoa học trọng điểm cấp nhà nước về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc	QĐ 1641/QĐ-BKHCN.				Quyết định 2356/QĐ-TTg
47	Đề án thành lập học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Đã có chủ trương thành lập		X		Nghị quyết 06/NQ-CP, Quyết định 2356/QĐ-TTg

STT	Tên đề án, chính sách	Đã ban hành	Đã hoàn thành chờ phê duyệt	Đang xây dựng chưa trình	Không ban hành	Ghi chú
48	Quyết định của TTCP về chính sách đặc thù đối với cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc				X	Nghị quyết 06/NQ-CP
49	Xây dựng Luật Dân tộc (2017-2020)			Năm 2017		Quyết định 2356/QĐ-TTg
50	Đề án phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đồng bằng sông Cửu Long (2015)				Xin đưa ra khỏi chương trình	Quyết định 2356/QĐ-TTg
51	Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					Quyết định 2356/QĐ-TTg
52	Chương trình hành động công tác thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo					Quyết định 2356/QĐ-TTg

ỦY BAN DÂN TỘC

**PHỤ LỤC 02****DANH MỤC****THÔNG TƯ ỦY BAN DÂN TỘC XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015***(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
1	Thông tư	01/2011/TT-UBDT; 15/7/2011	Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc	29/8/2011	
2	Thông tư	02/2011/TT-UBDT; 15/7/2011	Thông tư quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban Dân tộc	01/9/2011	
3	Thông tư	03/2011/TT-UBDT; 26/10/2011	Thông tư sửa đổi Thông tư số 03/2010/TT-UBDT quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc	10/12/2011	
4	Thông tư	04/2011/TT-UBDT; 26/10/2011	Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc	10/12/2011	
5	Thông tư liên tịch	05/2011/TTLT-UBDT-BTC 16/12/2011	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định 18/2011/QĐ-TTg về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	30/01/2012	Đã hết hiệu lực từ ngày 25/02/2014
6	Thông tư	01/2012/TT-UBDT; 24/10/2012	Thông tư hướng dẫn Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015	08/12/2012	

7	Thông tư liên tịch	02/2012/TTLT-UBDT-BTTTT-BVHTTDL; 13/12/2012	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2472/QĐ-TTg về cấp ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	01/2/2013	
8	Thông tư	01/2013/TT-UBDT; 01/3/2013	Thông tư quy định quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ủy ban Dân tộc	15/4/2013	
9	Thông tư	02/2013/TT-UBDT; 24/6/2013	Thông tư hướng dẫn Quyết định 54/2012/QĐ-TTg về chính sách cho vay vốn phát triển đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	08/8/2013	
10	Thông tư	03/2013/TT-UBDT; 28/10/2013	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 – 2015	12/12/2013	
11	Thông tư liên tịch	04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT; 18/11/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn Quyết định số 755/QĐ-TTg phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	02/01/2014	
12	Thông tư liên tịch	05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD; 18/11/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn	03/01/2014	
13	Thông tư liên tịch	06/2013/TTLT-UBDT-BTC; 27/12/2013	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015	10/02/2014	
14	Thông tư	01/2014/TTLT-UBDT-BTC 10/01/2014	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	25/02/2014	

15	Thông tư	02/2014/TT-UBND 01/08/2014	Thông tư quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc	15/09/2014	
16	Thông tư liên tịch	03/2014/TTLT-UBND-BTTTT-BVHTTDL 15/10/2014	Thông tư liên tịch sửa đổi Thông tư liên tịch 02/2012/TTLT-UBND-BTTTT-BVHTTDL hướng dẫn thực hiện Quyết định 2472/QĐ-TTg và Quyết định 1977/QĐ-TTg do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	01/12/2014	
17	Thông tư	04/2014/TT-UBND 01/12/2014	Thông tư quy định chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành	14/01/2015	
18	Thông tư	05/2014/TT-UBND 10/12/2014	Thông tư về rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc	24/01/2015	
19	Thông tư	06/2014/TT-UBND 10/12/2014	Thông tư về Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc do Ủy ban Dân tộc ban hành	01/02/2015	
20	Thông tư liên tịch	07/2014/TTLT-UBND-BNV 22/12/2014	Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành	15/02/2015	
21	Thông tư	01/2015/TT-UBND 23/07/2015	Thông tư Quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc	07/9/2015	
22	Thông tư	02/2015/TT-UBND 30/11/2015	Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc	15/01/2016	
23	Thông tư	03/2015/TT-UBND 15/12/2015	Thông tư Quy định chế độ báo cáo thống kê CTDT áp dụng đối với cơ quan CTDT tỉnh, thành phố trực thuộc TW	01/2/2016	

ỦY BAN DÂN TỘC





TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

STT	Nội dung	Tổng kinh phí được duyệt (nhu cầu) giai đoạn 2011 - 2015	Kinh phí đã cấp theo từng năm					Tổng vốn đã cấp giai đoạn 2011 - 2015	Tỷ lệ đã cấp (%)
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015		
1	Chương trình 135 giai đoạn II	3.214,490	3.214,49					3.214,490	100,00
2	Dự án 2 đầu tư cơ sở hạ tầng (theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg)	4.757,200		2.263,20	2.494,00			4.757,200	100,00
3	Quyết định số 551/QĐ-TTg: Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản DBKK	17.509,187				3.908,47	3.882,01	7.790,480	44,49
4	Quyết định 1592/QĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn.	7.911.810	500	550				1.050,000	13,27

STT	Nội dung	Tổng kinh phí được duyệt (nhu cầu) giai đoạn 2011 - 2015	Kinh phí đã cấp theo từng năm					Tổng vốn đã cấp giai đoạn 2011 - 2015	Tỷ lệ đã cấp (%)
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015		
5	Quyết định số 755/QĐ-TTg về Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (CS được cấp vốn từ năm 2014).	11 754,908				200,000	2.102,600	2 302,600	19,59
6	Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg về Chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015 (Từ 2013 - 2015, Chính sách chưa được cấp vốn. TTCP đã có văn bản đồng ý chuyển 352,55 tỷ đồng vốn chưa giải ngân từ QĐ 74/2008/QĐ-TTg sang thực hiện QĐ 29/2013/QĐ-TTg)	578,347				352,550	290,000	642,550	111,10
7	Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg về Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015 (thực hiện từ năm 2013 nhưng chưa được cấp vốn. TTCP đã cho phép sử dụng vốn thu hồi từ QĐ 32/2007/QĐ-TTg sang thực hiện QĐ số 54/2012/QĐ-TTg)	2.195,808			109,481	90,975	910,497	1.110,953	50,59

44	KIÊN GIANG	44/KH-UBND ngày 07/5/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020	
		Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 8/7/2015 của UBND tỉnh	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban dân tộc tỉnh Kiên Giang.	
		Công văn số 740/UBND-NCPC ngày 10/7/2015	Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Phòng dân tộc thuộc UBND các huyện, thị, thành phố	
45	CÀ MAU	Quyết định số 640/QĐ-UBND	Hỗ trợ tiền đồ cho học sinh con hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh	với tổng kinh phí 15,76 tỷ đồng, đã có 15.385 học sinh được hỗ trợ
		1861/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh	Phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào DTTS nghèo tỉnh Cà Mau	
		14/KH-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020	
		Công văn số 925/UBND-VX ngày 6/3/2015	Về việc tổ chức Tết Chôl Chnam Thmây của đồng bào dân tộc Khmer năm 2015	
		Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 8/7/2015 của UBND tỉnh	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban dân tộc tỉnh Cà Mau.	

ỦY BAN DÂN TỘC

		57/KH-UBND ngày 05/6/2014 của UBNDTP Cần Thơ	Triển khai thực hiện Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội nơi có đồng bào DTTS.	
		94/KH-UBND ngày 10/11/2014	Kế hoạch thực hiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả QJ.NN về công tác Dân tộc trên địa bàn TP Cần Thơ.	
		Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng Nhân dân TP	Hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số	
		Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng Nhân dân TP	Hỗ trợ kinh phí mua đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số	
		Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND TP	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Dân tộc tỉnh.	
		Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 20/5/2015 của UBND TP	Thực hiện chỉ thị số 1971/CT-TTg ngày 27/10/2010 của Thủ tướng CP về tăng cường công tác dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn thành phố giai đoạn 2015- 2020	
43	SÓC TRĂNG	Quyết định số 1090/QĐHC-CTUBND	Chính sách ổn định dân cư	Tổng kinh phí 43,393 tỷ đồng, 200 hộ dân được thụ hưởng
		201/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 tỉnh Sóc Trăng.	
		Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh	Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.	
		Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND tỉnh	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban dân tộc tỉnh Sóc Trăng.	

40	TRÀ VINH	Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 09/9/2011 của Tỉnh ủy	Tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-2015	
		Quyết định 526/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh	Về việc ban hành Chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-2015.	
		Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 15/11/2013 của Tỉnh ủy	Xây dựng lực lượng cốt cán và phát huy vai trò NCUT trong cộng đồng người Hoa	
		Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh	Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29 của Thủ tướng Chính phủ)	UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tổ chức thực hiện
		1241/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	
41	HẬU GIANG	Quyết định số 154/QĐ - UBND ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	
		Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh	Phê duyệt Danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh năm 2015	
		Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo Quyết định 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	
42	TP CẦN THƠ	20-KH/TU ngày 06/6/2012 của Thành ủy Cần Thơ	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng (khóa XI) về "Tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới" và Chỉ thị 501/TTg của TTg về "Một số chính sách đối với người Hoa".	Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người Hoa mạnh dạn trong phát triển KT-XH
		54/KH-UBND ngày 27/5/2014 của UBND TP Cần Thơ	Thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn TP.	

37	BÀ RỊA – V. TÁU	22/2010/QĐ-UBND ngày 28/06/2010 của UBND tỉnh	Quy định chế độ trợ cấp đối với đối tượng là sinh viên là người DTTS đang theo học tại các trường ĐH, CD, THCN có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh	Mức trợ cấp 4.300.000đ/SV/năm.
		2490/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2012 - 2015	- Vốn Đầu tư: Xây dựng cơ sở hạ tầng; - Vốn SN: Hỗ trợ an sinh xã hội và phúc lợi xã hội
		Văn bản số 1826/UBND-VP ngày 25/3/2013; Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh	Về việc ban hành quy chế phối hợp công tác thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.	
		Văn bản số 857/UBND-VP ngày 04/02/2014 của UBND tỉnh		Về việc tổ chức và trợ cấp tết Ất Mùi năm 2015.
		56/KH-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh	Phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược CTDT trên địa bàn tỉnh.	
		Quyết định số 620/QĐ – UBND ngày 27/3/2015	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người có uy tín
38	AN GIANG	1527/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch "Triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh An Giang	
39	VĨNH LONG	Quyết định số 962/QĐ-UBND	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 2 "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào DTTS giai đoạn 2013 - 2016"	Phổ biến Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 2015 và tuyên truyền về thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
		Kế hoạch số 137/KH/TU ngày 27/7/2015 của Ban Thương vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long	Tuyên truyền trong đồng bào dân tộc, tôn giáo tỉnh Vĩnh Long năm 2015	

		Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh	KH triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020”.	
		22/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh	Quy định hỗ trợ kinh phí cho sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo tỉnh Bình Phước đang học tại các trường ĐH, CĐ, THCN trong hệ thống GDQD theo Đề án “Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS tỉnh Bình Phước GD 2014 – 2015 và định hướng đến năm 2020”	- Hỗ trợ tiền ăn - Hỗ trợ đi lại
		Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 02/3/2015	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-ITg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.	
		Quyết định 597/QĐ-UBND ngày 31/3/2015	Phê duyệt danh sách 347 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước thay thế Quyết định 803/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của UBND tỉnh.	
		Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước	
		Hướng dẫn số 232/HD-UBND ngày 10/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc cấp huyện.	
36	ĐỒNG NAI	801/QĐ-UBND ngày 24/3/2011	Ban hành Chương trình công tác Dân tộc GD 2011–2015,	
		Kế hoạch số 4938/KH-UBND ngày 21/7/2011	Thực hiện công tác đối với người Hoa.	Quan tâm phát triển đời sống kinh tế, xã hội và công tác cán bộ...
		5009/KH-UBND ngày 25/7/2011 của UBND tỉnh	Thực hiện công tác đối với đồng bào Chăm giai đoạn 2011 – 2015	Quan tâm phát triển đời sống kinh tế, xã hội và công tác cán bộ...
		7780/KH-UBND ngày 09/10/2012 của UBND tỉnh	Công tác đối với đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Đồng Nai GD 2012 – 2015	Quan tâm phát triển đời sống kinh tế, xã hội và công tác cán bộ...
		Quyết định 05/2013/QĐ-UBND ngày 18/1/2013 của UBND tỉnh		Thực hiện về việc cấp phát kinh phí học tập cho sinh viên
		Số 1799/QĐ-UBND ngày 17/6/2014	Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020	

33	TP.HCM	3531/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND tỉnh	Ban hành "Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020	
			Chính sách hỗ trợ chi phí đóng góp 30% mua thẻ BHYT cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn các quận, huyện năm 2015	
			chính sách chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các khu vực có môi trường sinh sống âm thấp và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn đang sinh sống trên địa bàn TP HCM năm 2014 và 2015	Với tổng kinh phí 892 triệu đồng, với 6.165 lượt người hỗ trợ
34	BÌNH THUẬN	Quyết định số 93/3008/QĐ-UBND	hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh DTTS	tổng kinh phí 33,809 tỷ đồng, có 37.562 lượt học sinh được hỗ trợ
		Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 09/02/2009 và QĐ 04/2013/QĐ-UBND	về việc hỗ trợ học sinh DTTS đang học tại các trường ĐH, CĐ, TCN	tổng kinh phí 3,184 tỷ đồng, hỗ trợ cho 347 lượt học sinh.
		41/2010/QĐ-UBND ngày 15/9/2010 của UBND tỉnh	Đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển	
		2452/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 của UBND tỉnh	Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS thời kỳ CNH-HĐH giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020	Cụ thể hóa Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011.
		09/2009/QĐ-UBND và QĐ số 04/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người DTTS của tỉnh Bình Thuận đang theo học tại các trường ĐH, CĐ, TCN trong cả nước	
		2019/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.	
35	BÌNH PHƯỚC	113/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh	Thực hiện Đề án "Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS tỉnh Bình Phước GD 2014 – 2015, định hướng đến năm 2020".	
		41/KII-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh	Triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020.	

		227/QĐ-UBND ngày 10/02/2014 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án Quy hoạch ổn định dân cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.	Tổng nhu cầu quy hoạch trong giai đoạn đến năm 2020 là 7.556 hộ, 33.145 khẩu, tổng vốn ĐT: 1.059.521 triệu, trong đó: Vốn đã phê duyệt 583.036 triệu, vốn ĐT quy hoạch mới 476.485 triệu.
		NQ số 14/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh	Kéo dài thời hạn thực hiện CS theo QĐ số 10/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012	
		Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	Chính sách hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 – 2020	
		Kế hoạch số 431/KH-UBND, ngày 8/10/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	
		QĐ số 1617/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh	Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến 2020.	
31	KON TUM	1285/KH-UBND ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện và Chương trình hành động thực hiện công tác Dân tộc đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	
		Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai chỉ thị số 28 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc	
		Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh	Kế hoạch thực hiện đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020”	
32	LÂM ĐỒNG	Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Chính sách hỗ trợ học sinh sinh viên	Hỗ trợ cho HSSV đang theo học tại các trường ĐH, CĐ, THCN và ngoài tỉnh
		3960/KH-UBND ngày 04/8/2014	Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 tỉnh Lâm Đồng.	

		KH-UBND ngày 17/7/2014	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020.	
		4591/KH-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của TTg về nâng cao năng lực QLNN về công tác Dân tộc.	
		Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 của UBND tỉnh	Về việc quy định giá mua, chi phí vận chuyển, chi phí cấp phát mật hàng giống cây trồng, phân bón, bò giống cấp không cho các hộ dân năm 2015	
		QĐ 312/QĐ – UBND ngày 3/4/2015 của UBND tỉnh	Về việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS năm 2015	
		QĐ số 262/QĐ- UBND ngày 3/5/2015	Phê duyệt đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo ở xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
29	ĐẮK LĂK	Chương trình 655/Ctr – UBND ngày 16/02/2012 của UBND tỉnh	Phát triển kinh tế thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh đến năm 2015	
		5479/KH-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh	Triển khai Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	
30	ĐẮK NÔNG	Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của UBND tỉnh	Ban hành kế hoạch tiếp tục xây dựng, phát triển bon, buôn, bản và thôn có đồng đồng bào DTTS theo hướng đầu tư phát triển bền vững đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.	lập trung đầu tư xây dựng được 1 số công trình hạ tầng thiết yếu
		Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh	Ban hành kế hoạch tăng cường công tác DTTS theo Chương trình hành động số 04-CT/TU ngày 18/4/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông GPĐ 2011 – 2016.	
		Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012 của UBND tỉnh	Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất kinh doanh đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giai đoạn 2012 – 2013.	
		Quyết định 168/QĐ- UBND, ngày 8/2/2012 và QĐ 1141/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên	
		382/KH-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh	Đẩy mạnh phát triển KT – XH, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh.	Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 07/12/2011 của Tỉnh ủy.

26	KHÁNH HÒA	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chương trình phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho đồng bào DTTS; hỗ trợ phát triển sản xuất; thực hiện chính sách an sinh xã hội và đầu tư xây dựng
		2233/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 của UBND tỉnh	Chính sách xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất mới phát triển kinh tế hộ đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020.	
		1054/QĐ-UBND ngày 26/4/2014	Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh	
		1098/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh	Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển KT – XH vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020.	
		3097/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về công tác Dân tộc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	
		Ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 28/7/2015	Về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách CBCCVC người DTTS trên địa bàn tỉnh	
27	NINH THUẬN	1589/KH-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	
			Kế hoạch về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TTg trên địa bàn tỉnh.	
		1138/KH-UBND ngày 23/3/2015	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.	
28	GIA LAI	96/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh	Chính sách nâng cao đời sống người dân vùng căn cứ cách mạng	
		Dề án 03-ĐA/TU ngày 12/6/2009 của Tỉnh ủy	Tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp đại học bố trí về cơ sở công tác	
		79/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh	Chính sách trợ cước, trợ giá và cấp không các mặt hàng chính sách	

		Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND; Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của UBND; Nghị quyết số 55/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh	Chương trình hỗ trợ giảm nghèo/ Chính sách khuyến khích thoát nghèo/Chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh giai đoạn 2013 - 2016 và định hướng đến năm 2020	Tăng cường cải thiện sinh kế tại vùng đồng bào DTTS và miền núi; đẩy mạnh Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, đào tạo nghề; phát triển giáo dục, y tế MN...
		Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 146/2009/NQ-HĐND ngày 22/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Về công tác luân chuyển giáo viên (có thời hạn thực hiện đến hết năm 2015)	Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhiều cán bộ, giáo viên có thời gian công hiến lâu năm ở miền núi, vùng ĐBKK có điều kiện về lại huyện, thành phố (nơi gia đình thường trú)
		59/KH-UBND ngày 08/5/2014	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020	
24	BÌNH ĐỊNH	3593/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
		Quyết định 1921/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh	Ban hành quy định một số chế độ hỗ trợ trong khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định, mô hình can thiệp giảm thiểu táo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Chiến dịch tăng cường truyền thống lồng ghép chiến dịch chăm sóc sức khỏe - KHIHGD đến vùng khó khăn	Tổng kinh phí 7,325 tỷ đồng
		Tiếp tục thực hiện Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	Quy định một số chính sách đối với đồng bào DTTS thực hiện Nghị quyết 39/NQ-TW của Bộ Chính trị, khóa IX	Hỗ trợ: Muối lớt; hỗ trợ học bổng cho học sinh là người DTTS...
25	PHÚ YÊN	922/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh	Ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	
		Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 09/9/2015	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len cho các xã ĐBKK	Đầu tư 06 công trình cơ sở hạ tầng tại 6 huyện miền núi

			Đề án bản tin Dân tộc	
			Dự án thí điểm mô hình trồng cây Táo Mèo	
			Mô hình Bình đẳng giới	
20	HÀ TĨNH	87/KH-UBND ngày 13/3/2014	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.	
		QĐ 2571/QĐ-UBND Ngày 03/9/2014	Phê duyệt đề án phát triển đồng bào dân tộc Chứt, xã Hương Liên, huyện Hương Khê.	Hỗ trợ đời sống, phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
21	QUẢNG BÌNH	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg	Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 9 xã biên giới	Xây dựng 9 công trình, trong đó có chuyển tiếp 2014
		918/KH-UBND ngày 23/7/2014	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	
22	QUẢNG TRỊ	426/KH-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của TTg về nâng cao năng lực QLNN về công tác Dân tộc.	
		Sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len cho các xã ĐBKK	Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	Xây dựng 02 công trình đường giao thông thôn
		Tiếp tục thực hiện Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg	Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 16 xã biên giới	Cơ sở hạ tầng đã được đầu tư đồng bộ (đường GTNT, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học, nước sinh hoạt).
23	THỪA THIÊN HUẾ	Nghị quyết /2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định số 33/QĐ-UBDT của UBND	Chính sách hỗ trợ cho sinh viên người DTTS thi đỗ vào các trường Cao đẳng, Đại học công lập	Hỗ trợ cho sinh viên DTTS các huyện Nam Đông và A Lưới

		Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 03/10/2011 của Thường Vụ Tỉnh Ủy, KH số 166/KH-UBND ngày 30/11/2012 của UBND TP Hà Nội	Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2013 – 2015	
18	THANH HÓA	11/KH-UBND ngày 13/02/2014 của UBND tỉnh	Triển khai thực hiện Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 của Chính phủ.	
			Dự án ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông, huyện Mường I ải	
		Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh	“Đề án tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”	Hỗ trợ thông qua các hoạt động như: làm tuyến đường đi nghĩa địa, hỗ trợ đám tang theo văn hóa mới; tuyên truyền nếp sống văn hóa cho đồng bào
19	NGHỆ AN	2165/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc tỉnh Nghệ An đến năm 2020	
		84/QĐ-UBND	Hỗ trợ bảo tồn phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số	Hỗ trợ cho lễ hội truyền thống; hỗ trợ mở các lớp phổ biến chữ dân tộc Thái, chữ Mông, sản xuất và sử dụng các loại nhạc cụ, khí cụ dân tộc Thái; hỗ trợ sưu tầm, mua lại một số hiện vật văn hóa các dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức sản xuất và phát hành đĩa nhạc các làn điệu dân ca dân tộc Thái
		681/CTr-UBND, ngày 11/12/2014	Chương trình đối ngoại	
			Chính sách bảo tồn và phát triển bền vững tộc người thiểu số Đan Lai hiện đang sinh sống tại vùng lõi vườn Quốc gia Pù mát, Con Cuông, Nghệ An	Đã chi 272,528 triệu đồng cho tổ chức hên hoan, văn nghệ, phổ biến tiếng dân tộc, sản xuất, sử dụng nhạc cụ, khí cụ các DTTS

14	LAI CHÂU	Quyết định 01/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Chính sách hỗ trợ học bổng học sinh THPT	với tổng kinh phí 15 tỷ đồng, có 11.835 em được hưởng.
		QĐ 38/2010/QĐ-UBND và số 29/2013/QĐ-UBND	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	Với 171.356 triệu đồng, đã xấp xếp ổn định cho 93 hộ dân, hỗ trợ 1.351 tấn giống các loại; 1 dự án rau màu với tổng diện tích 3ha; hỗ trợ phát triển 323 ha thảo quả cho 2.042 hộ.
		832/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	Phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.	
		Quyết định 1006/QĐ-UBND	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng, Mù Cà	
15	HÒA BÌNH	13/KH-UBND ngày 28/2/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.	
			Hỗ trợ tiền tết cho hộ nghèo	Với tổng kinh phí 57,445 tỷ đồng, hỗ trợ cho 195.169 lượt hộ nghèo
		83/KH-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của TTg về nâng cao năng lực QLNN về công tác Dân tộc.	
16	VĨNH PHÚC		Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược CTDĐT đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh	
17	HÀ NỘI	185/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND TP Hà Nội	Phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn TP Hà Nội đến năm 2020	
		203/KH-UBND ngày 05/12/2014 của UBND TP Hà Nội	Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 28/CT-TTg	

		NQ 37/2011/NQ-HĐND ngày 21/12/2011	Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2015	
		NQ 13/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013	Một số chính sách khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra để khôi phục sản xuất trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2013-2015	
9	PHÚ THỌ	2498/KH-UBND ngày 19/6/2014	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược CTDĐT đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh	
10	QUẢNG NINH		Chương trình "Chung tay vì cộng đồng – bỏ giống giúp người nghèo biên giới"	Phối hợp với Chi nhánh Viettel Quảng Ninh tổ chức trao 1.379 con bò giống Laisin cho 1.379 hộ nghèo biên giới
			Chương trình Hỗ trợ xi măng giúp hộ nghèo biên giới xây dựng và cải tạo nhà ở	Phối hợp với Chi nhánh Viettel Quảng Ninh hỗ trợ 2.000 tấn xi măng cho 625 hộ nghèo biên giới để cải thiện nhà ở, chuồng trại chăn nuôi và các công trình phụ trợ khác
11	SON LA	2269/QĐ-UBND ngày 04/10/2011 của UBND tỉnh	Ổn định sản xuất và đời sống nhân dân ở các bản có điều kiện KT – XH DBKK	- Vốn sự nghiệp: Chi sự nghiệp y tế, văn hóa - TT, sự nghiệp nông, lâm nghiệp... - Vốn đầu tư phát triển
		Nghị quyết 61/NQ-HĐND, ngày 12/12/2013	Tổ chức nấu ăn tại các trường PTTH bán trú địa bàn tỉnh	Có 30.92 học sinh hưởng chế độ bán trú.
12		16/KH-UBND ngày 24/02/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	
13	ĐIÊN BIÊN	280/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020	

		52/KII-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	
			Chương trình thực hiện Đề án phát triển KT-XH nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững GPĐ 2013 – 2017 với 02 huyện Bình Gia và Đình Lập	
5	THÁI NGUYÊN	2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"	Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 28/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc, công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh.
6	BẮC GIANG	44/KH-UBND ngày 16/4/2014 của UBND tỉnh	Triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện công tác Dân tộc đến năm 2020.	
		1266/KH-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh	Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2014 – 2020.	
			Đề án giảm nghèo đối với 13 xã của huyện Lục Ngạn (có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%)	Tổng vốn 8.838 triệu đồng, hỗ trợ lợn giống và lợn thịt cho các hộ nghèo, đầu tư xây dựng 08 công trình thủy lợi nhỏ.
7	LÀO CAI		Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến CTDT đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai	
		Quyết định 04/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013	Khám chữa bệnh cho người nghèo và người DTTS của Lào Cai	Tổng kinh phí 29.941 tỷ đồng, có 119.610 đối tượng được thụ hưởng
8	YÊN BÁI	NQ 24/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010	Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp tỉnh Yên Bái	
		QĐ 625/QĐ-UBND ngày 9/5/2011	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Yên Bái đến năm 2020	Tổng kinh phí 1.193,154 tỷ đồng
		NQ 20/2011/NQ-HĐND ngày 5/8/2011	Một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội áp dụng đối với các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn ngoài hai huyện Trạm Tấu và Mù Cang Trải	



PHỤ LỤC SỐ 07

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015*Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)*

TT	Tên đơn vị	Số văn bản	Tên chính sách	Nội dung chủ yếu
1	HÀ GIANG	Quyết định 1052/2011/QĐ-UBND ngày 27/5/2011	Hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản,	
		Dề án 105/DA-UBND	Quy tụ dân cư biên giới	
		QĐ số 2772/QĐ-UBND ngày 13/7/2012	Ban hành chi phí đào tạo nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn	Tổng kinh phí 369.536 triệu đồng
2	TUYÊN QUANG	Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh	Cơ chế, chính sách hỗ trợ SX hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi	Năm 2015 hỗ trợ trồng cây cam, mía, nuôi cá lồng, nuôi trâu cho các hộ nghèo và cận nghèo
3	CAO BẰNG	975/KH-UBND ngày 17/4/2014	Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020.	
4	LẠNG SƠN	QĐ 38/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007	Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng mua máy chế biến, bảo quản nông, lâm sản thu hoạch giai đoạn 2008-2015 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	
		QĐ 11/2010/QĐ-UBND ngày 20/10/2010	Chính sách hỗ trợ phát triển đàn trâu, bò và cải tạo đàn bò tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2010-2015	
		QĐ 28/UBND ngày 24/12/2013	Chính sách xây dựng mạng lưới thú y cấp xã, phường, thị trấn, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đối với dân tộc thiểu số vùng khó khăn địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Tổng kinh phí 180.799 triệu đồng
		29/CT-TU ngày 25/4/2014	Thực hiện Chiến lược công tác Dân tộc đến năm 2020	

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
23	Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông VN	Chương trình hợp tác số 985/CTHT-UBDT-VNPT, ngày 19/9/2014	2014-2020	- Triển khai kế hoạch Chương trình hợp tác về Viễn thông, Công nghệ thông tin, Truyền thông giữa Ủy ban Dân tộc và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam Giai đoạn 2014-2020
24	Học viện Chính trị Khu vực I	Chương trình phối hợp công tác ngày 14/04/2015	2015-2020	- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu thuộc lĩnh vực lý luận chính trị trong CTDT, phát triển nguồn nhân lực DTTS, đáp ứng yêu cầu về nhân lực phục vụ giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, trao đổi thông tin khoa học, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, tư vấn, phân biện trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách cho vùng DTTS, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả QLNN về CTDT và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực DTTS. Phối hợp trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ KH&CN. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH & CN nhằm giảm nghèo, phát triển KT-VH-XH, thực hiện CNH-HĐH và xây dựng nông thôn mới ở vùng DTTS.
25	Trường Đại học Thái Nguyên	Chương trình phối hợp công tác ngày 16/04/2015	2015 – 2020	- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, trao đổi thông tin khoa học, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, tư vấn, phân biện trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách cho vùng DTTS; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực DTTS; -Phối hợp trong công tác đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ KH&CN; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong phát triển nguồn nhân lực DTTS, đáp ứng yêu cầu về nhân lực phục vụ giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng DT&MN phía Bắc.
26	Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia	Chương trình phối hợp công tác ngày 01/6/2015	2015 – 2020	- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào DTTS và MN tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (ATGT). -Nâng cao nhận thức, ý thức và hiểu biết của đồng bào DTTS khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa về ATGT và Luật Giao thông đường bộ; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa cơ quan CTDT và Ban ATGT các cấp để tăng cường tính thống nhất, đồng bộ, tạo thêm nguồn lực trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc tham gia bảo đảm trật tự ATGT, thực hiện kỷ cương trật tự, hạn chế và đẩy lùi tai nạn, ùn tắc giao thông; tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc đóng góp xây dựng và phát triển hệ thống giao thông an toàn, tham gia các hoạt động bảo đảm trật tự, ATGT trong cả nước.

ỦY BAN DÂN TỘC

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
		Nam và UBĐT (ngày 25/9/2014)		biên giới, hải đảo; tăng cường vận động viện trợ cho đồng bào DTTS phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo bền vững; tăng cường phối hợp trong công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
19	Thông tấn xã Việt Nam	Chương trình phối hợp công tác giữa UBĐT và Thông tấn xã Việt Nam (ngày 28/2/2014)	2014-2018	- Tuyên truyền kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; biểu dương người tốt, việc tốt và nhân rộng điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số; phổ biến cách làm mới, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đời sống và lao động sản xuất. - Tổ chức vận động, tài trợ tạo nguồn quỹ hỗ trợ, khuyến khích tài năng trẻ, tuyên dương học sinh dân tộc thiểu số đạt giải cao trong học tập.
20	Báo Nhân dân	Chương trình phối hợp số 220/CTPH/UBĐT-BND ngày 14/3/2014	2014-2020	- Phối hợp tuyên truyền kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; biểu dương người tốt, việc tốt và nhân rộng điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số.
21	Tạp chí Cộng sản	Chương trình phối hợp số 04/CTrPH-UBĐT-TCCS ngày 20/6/2014	2014-2020	
22	Đài tiếng nói Việt Nam	Chương trình phối hợp số 951/TTrPH-TNVN-UBĐT 15/12/2011	2011-2015	- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả, thành tựu đạt được trong thực hiện CDST đối với vùng DTTS, miền núi; bám sát các hoạt động của UBĐT và chương trình, chính sách, dự án đang triển khai ở DT&MN. Hệ phát thanh Dân tộc thực hiện hợp đồng tuyên truyền, sản xuất các chương trình phát thanh chuyên đề về Chương trình 135, phát trên chương trình tiếng Mông, Gia Rai, Kho Me, Cơ Tu, Ê Đê...tuyên truyền phục vụ sự kiện lớn liên quan đến con người, địa bàn DT&MN; -Tăng cường tin bài biểu dương người tốt việc tốt và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số. Chương trình "Dân tộc và phát triển" dành ngày thứ ba hàng tuần nêu gương những cá nhân là người dân tộc thiểu số điển hình trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, có sức lan tỏa trong cộng đồng.

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
14	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	Chương trình phối hợp số: /CTPH-UBDT-HLHPN ngày 08/01/2014	2014-2016	- Phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ DTTS thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; xây dựng chương trình xoá mù chữ, phổ biến nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ mọi mặt; các chương trình dạy nghề, phát triển nghề truyền thống cho phụ nữ DTTS; - Triển khai thực hiện Nghị quyết về Tăng cường công tác dân vận phụ nữ DTTS, phụ nữ có đạo trong tình hình hiện nay; - Thực hiện tiêu đề án 4 về “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông dân và phụ nữ DTTS”; Đề án cấp báo phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho Hội LHPN xã, chi hội phụ nữ các xã ĐBKK; Đề án 1891 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội LHPN giai đoạn 2013 – 2017; đảm bảo yếu tố giới trong lựa chọn đại biểu, biểu dương người có uy tín là nữ tại địa bàn DTTS.
15	Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Chương trình phối hợp số: 18/CTrPH-MTTW-UBDT ngày 17/4/2012	2012-2016	- Triển khai thực hiện, tổ chức tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTDT, nhất là các chương trình phát triển K1-XH và giảm nghèo vùng ĐBKK. Thực hiện các cuộc vận động, phong trào yêu nước; Trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình dân tộc và CTDT; phối hợp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm CTDT; thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS.
16	Trung ương hội chữ thập đỏ Việt Nam	Chương trình phối hợp số 268-CTPH/TƯHCTD-UBDT ngày 14/10/2013	2013-2018	- Phối hợp trong công tác nhân đạo; - Tuyên truyền giáo dục truyền thống nhân ái của dân tộc; vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy những phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; - Tổ chức vận động nguồn lực ủng hộ Chương trình "Ngân hàng bò- chung sức cùng đồng bào các huyện nghèo, xã biên giới xây dựng nông thôn mới".
17	Trung ương Đoàn TNCSHCM	Chương trình phối hợp số 02-CTPH/TWĐTN-UBDT ngày 24/10/2013	2013-2017	- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đoàn viên, hội viên, thanh niên thiếu nhi vùng dân tộc về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các hoạt động biểu dương, tuyên dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình thanh thiếu nhi DTTS có thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực; các điển hình làm tốt công tác chăm lo, bồi dưỡng, phát triển thanh thiếu nhi dân tộc. Tham mưu lãnh đạo các cấp, phối hợp với các ngành hữu quan tạo nguồn kinh phí tổ chức khen thưởng cho học sinh, sinh viên DTTS có thành tích cao học tập; - Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội, Đội vùng dân tộc, nhất là cấp cơ sở; Chủ động nắm tình hình thanh niên dân tộc.
18	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Chương trình phối hợp công tác giữa Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt	2014-2020	- Phối hợp thông qua các hoạt động cụ thể nhằm tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách với Đảng, Nhà nước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần góp phần giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi và phản ánh kịp thời, đầy đủ và toàn diện về tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, nhất là ở địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa và

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
				- Xây dựng Thông tư ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành CTDT.
9	Ban chỉ đạo Tây Bắc	Chương trình phối hợp số 40-CTrPH/BCĐTB-UBND, ngày 30/6/2011	2011-2015	- Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trên địa bàn; - Phối hợp triển khai chương trình hành động, chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án, chính sách dân tộc và tôn giáo, di cư tự do vùng Tây Bắc; - Phối hợp xây dựng Đề án Phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đến năm 2020; kiểm tra, đánh giá các chính sách dân tộc vùng Tây Bắc.
10	Ban chỉ đạo Tây Nguyên	Quy chế phối hợp công tác nhiệm kỳ 2013 – 2016 và Chương trình phối hợp năm 2013 – 2014	2013 – 2016	- Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến đồng bào DTTS và MN trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên; Các Nghị quyết, Kết luận của Đảng về công tác dân tộc; - Tổ chức khảo sát chuyên đề, các Hội nghị, Hội thảo, đề tài khoa học liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.
11	BCĐ Tây Nam Bộ	Quy chế phối hợp số 05-QCPH/BCĐTNB-UBND, ngày 10/7/2014 trong lĩnh vực CTDT	2014-2020	- Phối hợp tổ chức các hội thi “Tìm hiểu pháp luật”, họp mặt tuyên truyền về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kết quả thực hiện chính sách dân tộc, các chương trình, dự án cho đồng bào các dân tộc thiểu số; - Tổ chức khảo sát, đánh giá, xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ mô hình phát triển KT - XH vùng Tây Nam Bộ; Tham gia đoàn công tác thăm, chúc mừng và tặng quà một số đơn vị, tổ chức và hộ gia đình chính sách tiêu biểu là đồng bào các dân tộc nhân dịp tết cổ truyền các DTTS khu vực Nam Bộ...
12	Ban Dân vận Trung ương	Chương trình phối hợp số 203-CTrPH/BDVTrW-UBND, ngày 18/5/2011	2011-2015	- Phối hợp trong công tác tuyên truyền chính sách, khảo sát tình hình thực hiện CSĐT; nghiên cứu một số chính sách tác động liên quan đến đời sống đồng bào dân tộc thiểu số vùng DT&MN. - Tham gia xây dựng Đề án “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số” trình Ban Bí thư Trung ương Đảng. Vận động đồng bào các dân tộc đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm kích động, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo; bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng DT&MN.
13	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	Chương trình phối hợp số 951/CTPH-HNDTW-UBND, ngày 11/10/2013	2013-2020	- Phối hợp tham gia xây dựng, kiểm tra tình hình thực hiện một số chính sách cho vùng DT&MN; trong công tác tuyên truyền, vận động nông dân các dân tộc thực hiện tốt các đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đặc biệt là chính sách đối với đồng bào vùng DT&MN.- Phối hợp triển khai hiệu quả việc phát hành báo Nông thôn ngày nay đến vùng DT&MN, vùng ĐBKK.

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
4	Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng	KH số 2824/ KHPK-UBDT-BĐBP ngày 7/10/2013	2013-2016	Phối hợp hoạt động; Tổ chức lớp các tập tuyên truyền về phòng, chống ma túy, gắn với phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ biển đảo cho cán bộ làm công tác dân tộc, già làng, trưởng buôn, người có uy tín và cán bộ, chiến sĩ các đồn biên phòng các tỉnh biên giới.
5	Bộ Y tế	Quy chế số 01/QCPH-UBDT-BYT ngày 21/12/2012	2012-2016	- Phối hợp công tác nhiệm kỳ khóa XIII; Tham gia các đoàn giám sát, kiểm tra về tăng cường chất lượng công tác y tế, việc thực hiện bảo hiểm y tế tại các tỉnh miền núi; Tham gia hội thảo đánh giá nhanh thực trạng mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu & mức độ tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người tại một số địa phương.- Rà soát lại những chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác y tế vùng DT&MN; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác y tế và chính sách y tế đối với DTTS; xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực đồng bào DTTS.
6	Bộ Tư Pháp	Chương trình phối hợp công tác số 1249a/CTPH-UBDT-BTP ngày 13/11/2014	2014-2020	- Phối hợp để xây dựng và ban hành các văn bản QPPL và các chương trình, đề án, dự án liên quan đến DTTS&MN; rà soát, tổng kết, đánh giá đồng bộ phục vụ xây dựng dự án Luật Dân tộc; - Nghiên cứu, đưa các nội dung liên quan về phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của các DTTS để luật hóa nhằm bảo tồn, phát huy và phát triển; xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS với Chương trình giảm nghèo, Chương trình phát triển KT-XII vùng DTTS; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở bảo đảm quyền và lợi ích của người DTTS&MN.
7	Ban Kinh tế Trung ương	Chương trình phối hợp công tác số 01-CT/BK1TW-UBDT ngày 19/8/2014		- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận của Đảng về huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện CSĐT, chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển KT-XII, hỗ trợ giảm nghèo ở vùng DTTS&MN; các chính sách, dự án đầu tư, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào DTTS, bảo tồn và phát triển đối với các nhóm DTTS rất ít người; tham gia ý kiến thẩm định các đề án, dự án lớn về CTDT trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trong CTDT; sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về KT-XII; - Phối hợp, trao đổi thông tin về tình hình thực hiện đường lối, chủ trương của đảng, các thông tin chuyên đề, kết quả nghiên cứu, khảo sát về CTDT...
8	Tổng cục Thống kê		2011-2020	- Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030 và Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Phối hợp công tác thống kê trong lĩnh vực công tác dân tộc ở Trung ương và địa phương;



TỔNG HỢP CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP
CỦA ỦY BAN DÂN TỘC VỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Bộ, ngành, đoàn thể	Chương trình phối hợp	Giai đoạn	Nội dung và kết quả phối hợp
1	Hội đồng Dân tộc của Quốc hội	Quy chế phối hợp công tác nhiệm kỳ khóa XIII (2011-2016) giữa HĐDT của Quốc hội và UBDT (ngày 21/11/2011)	2011-2016	- Đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và phù hợp với hoàn cảnh trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc (CSDT); Luôn thông tin cho nhau và tạo điều kiện phối hợp trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến dân tộc thiểu số (DTTS) và vùng DTTS. - Thống nhất về các nội dung và cách thức phối hợp trong công tác xây dựng pháp luật, xây dựng CSDT, giám sát kiểm tra, cung cấp thông tin, hợp tác quốc tế và phối hợp tổ chức các hoạt động như: gặp mặt đại biểu Quốc hội khóa XIII là người DTTS; các đoàn đại biểu tiêu biểu là cán bộ, già làng, trưởng bản... của các địa phương về thăm Hà Nội; các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ làm CTDT...
2	Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch	Chương trình phối hợp số 252/CTPH-BVHTTDL-UBDT ngày 28/01/2011	2011-2015	- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình vùng đồng bào DTTS&MN. - Phối hợp tổ chức tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc”; Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; các chiến lược quốc gia, đề án về phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) đến năm 2020; tổ chức các hoạt động và đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ công tác văn hoá, thể thao, du lịch vùng DT&MN.
3	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chương trình phối hợp số 1894/CTr-BKHCN-UBDT ngày 10/7/2012	2012-2020	- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp nghiên cứu, thông tin, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực CTDT. Trong đó có việc thực hiện đề tài “Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện CSDT ở nước ta”; đề xuất các quan điểm, định hướng, giải pháp, kiến nghị đổi mới CTDT ở nước ta từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn 2030”; - Tăng cường tiềm lực khoa học cho các đơn vị nghiên cứu khoa học thuộc UBDT và vùng DT&MN. Trong đó có việc xây dựng Đề án “Chương trình khoa học công nghệ cấp Quốc gia về CTDT”; - Tăng cường, đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiên bộ khoa học; tuyên truyền, phổ biến thông tin nâng cao nhận thức về phát triển KHCN vùng DT&MN.

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
1	570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012	Về việc phê duyệt Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt- Trung giai đoạn 2012- 2017	2012	2017	Các xã biên giới Việt-Trung
2	193/2011/QĐ-TTg ngày 30/1/2010	Về phê duyệt quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Lai Châu	2011		Lai Châu
3	615/2011/QĐ-TTg ngày 25/4/2011	Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển cho mỗi huyện bằng 70% mức bình quân của các huyện theo Nghị quyết 30a tại cấp huyện và xã cho trường học	2011		Huyện Võ Nhai - Thái Nguyên và Huyện Vũ Quang - Hà Tĩnh
4	1379/2011 ngày 12/8/2011	Về việc công nhận xã an toàn khu thuộc tỉnh Thái Nguyên và phê duyệt đề án định hướng đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng căn cứ cách mạng	2011		Thái Nguyên
5	09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011	Ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
6	2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011	Ban hành Danh mục Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015	2012	2015	
7	539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013	Về việc phê duyệt danh sách các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	2013	2015	vùng bãi ngang ven biển hải đảo
8	29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013	thiếu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015	2013	2015	vùng đồng bằng sông Cửu Long
9	11/2015/QĐ-TTg ngày 3/4/2015	Quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo	2015		
10	QĐ 850/QĐ-TTg ngày 22/4/2014	Chính sách hỗ trợ giống để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng màu tại ĐBSCL	2014		ĐBSCL
11	48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt khu vực miền trung	2014		Các tỉnh khu vực miền Trung
II	Các chính sách cho các dân tộc cụ thể (0 Chính sách và Quyết định)				

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
2	08/QĐ-TTg ngày 26/01/2011	Tăng cường cán bộ cho xã thuộc huyện nghèo để thực hiện Nghị quyết số 30n/2008/NQ-CP	2011		
XII	Chính sách bảo vệ môi trường sinh thái (05 Chính sách, Quyết định)				
1	66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011	Sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9 /2007 Một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015	2011		Toàn quốc
2	07/2012/QĐ-TTg ngày 08/2/2012	Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng	2012		
3	1380/QĐ-TTg ngày 12/8/2011	Phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng vành đai biên giới giai đoạn 2011-2020	2011	2020	Toàn quốc
4	24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012	Về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 – 2020	2011	2020	Toàn quốc
5	2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014	Phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020	2014		Toàn quốc
XIII	Chính sách bình đẳng giới (02 Chính sách và Quyết định)				
1	2351/QĐ-TTg, ngày 24/12/2010	Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020	2011		
2	1241/QĐ-TTg, ngày 22/7/2011	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015	2011		
XIV	Chính sách phòng chống ma túy, HIV/AIDS (01 Chính sách và Quyết định)				
1	1001/QĐ-TTg ngày 27/06/2011	phê duyệt "Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	2011	2020	Cả nước
B	NHÓM CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ				
1	Các chính sách cho vùng, cho khu vực (11 Chính sách, Quyết định)				

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
IX	Chính sách định canh, định cư, bố trí sắp xếp dân cư (03 Chính sách, Quyết định)				
1	1776/QĐ-TTg, ngày 21/11/2012	Phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020	2013	2015	Toàn quốc
2	570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012	Phê duyệt quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung giai đoạn 2012 - 2017	2012	2017	
3	64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014	Về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	2014		Toàn quốc
X	Chính sách phát triển nguồn nhân lực, cán bộ quản lý (05 Chính sách và Quyết định)				
1	579/QĐ-TTg, ngày 19/4/2011	Phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020	2011	2020	
2	1216/QĐ-TTg, ngày 22/7/2011	Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020	2011	2020	
3	1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2014	Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về xác xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020	2013	2020	Toàn quốc
4	1097/QĐ-TTg ngày 8/7/2011	Sửa đổi Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo được phê duyệt theo Quyết định 170/QĐ-TTg	2011		92 huyện nghèo
5	567/QĐ-TTg ngày 22/4/2014	Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ ở xã giai đoạn 2014 - 2020	2014	2020	Toàn quốc
XI	Chính sách xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng (02 Chính sách và Quyết định)				
1	170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011	Phê duyệt Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND xã thuộc 62 huyện nghèo	2011		

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
2	14/2012/QĐ-TTg, ngày 01/3/2012	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo	2012		
3	498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015	Phê duyệt đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015 - 2020	2015	2020	Vùng Đồng bào DTTS
4	08/2015/QĐ-TTg	thi điểm về giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	2015		
VII	Chính sách văn hóa, Thông tin (04 Chính sách và Quyết định)				
1	1270/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011	Về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc Việt Nam đến năm 2020"	2011	2020	Toàn quốc
2	1598/QĐ-TTg ngày 26/10/2012	Về việc phê duyệt dự án công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam giai đoạn II (2013-2017)	2013	2017	Toàn quốc
3	1643/QĐ-TTg, ngày 21/9/2011	Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015	2011		
4	1212/QĐ-TTg, ngày 05/9/2012	Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015	2012	2015	
VIII	Chính sách trợ giúp pháp lý (02 Chính sách và Quyết định)				
1	40/QĐ-BĐH-PC, ngày 30/5/2013	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số" từ năm 2013 đến năm 2016	2013	2016	
2	52/2010/QĐ-TTg ngày 18/08/2010	Về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020	2011	2020	

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
I	2	3	4	5	6
V	Chính sách giáo dục đào tạo (12 Chính sách và Quyết định)				
1	85/2010/QĐ-TTg ngày 12/10/2010	Về chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú.	2011		Toàn quốc
2	1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011	Phê duyệt Đề án Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 – 2015	2011	2015	Toàn quốc
3	2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010	Phê duyệt Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2011 - 2015	2011	2015	Toàn quốc
4	60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011	Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
5	1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011	Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015	2011	2015	các tỉnh DBSCL
7	66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013	Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học	2013		Toàn quốc
8	12/QĐ-TTg ngày 14/1/2013	Quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn	2013		Toàn quốc
9	36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013	Hỗ trợ gạo cho học sinh các trường khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	2013		Vùng khó khăn
10	1951/QĐ-TTg ngày 2/11/2011	Phát triển giáo dục, dạy và đào tạo nghề các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 2015	2011	2015	Các tỉnh Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên
11	89/QĐ-TTg ngày 9/1/2013	Phê duyệt đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020	2012	2020	Toàn quốc
12	629/QĐ-TTg ngày 4/5/2013	Phê duyệt đề án xóa mù chữ đến năm 2020			
VI	Chính sách Y tế (04 chính sách, Quyết định)				
1	705/QĐ-TTg, ngày 8/5/2013	Nâng mức hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho một số đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo	2013		

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
7	872/QĐ-TTg ngày 06/6/2014	Về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.	2014		Toàn quốc
8	750/QĐ-TTg, ngày 1/6/2015	Về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng chính sách xã hội	2015		Toàn quốc
9	18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014	Bổ sung Điều 3 Quyết định 62/2004/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện chiến lược cấp quốc gia về nước sạch và VSMT			
10	716/2012/QĐ-TTg ngày 14/6/2012	Về triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	2012		Toàn quốc
11	1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013	Thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc	2013	2018	Toàn quốc
12	29/201/QĐ-TTg ngày 26/4/2014	Tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị cai nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương	2014		Toàn quốc
IV	Chính sách dạy nghề (5 Chính sách, Quyết định)				
1	29/2013/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013	Chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015	2013	2015	các tỉnh ĐBSCL
2	42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012	Về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn	2012		
3	52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012	Về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp	2012		Toàn quốc
4	630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012	Phê duyệt chiến lược dạy nghề thời kỳ 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
5	1202/QĐ-TTg ngày 31/8/2012	Phê duyệt Chương trình MTQG việc làm và dạy nghề giai đoạn 2011 - 2015	2011	2015	Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
7	65/2011/QĐ-TTg ngày 2/12/2011	Sửa đổi một số điều của QĐ 63/2010/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản	2011		Toàn quốc
8	50/2014/QĐ-TTg	Về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020, đối tượng được hưởng chính sách trên là các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp	2015	2020	Toàn quốc
9	985/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014	Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	2014		x
10	11/2011/QĐ-TTg ngày 18/2/2011	Chương trình khuyến khích phát triển ngành mây tre	2011		
11	1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011	Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới			
12	342/QĐ-TTG ngày 20/2/2013	Sửa đổi bổ sung một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM			
III	Chính sách về tín dụng (12 chính sách, Quyết định)				
1	15/2013/QĐ-TTg, ngày 23/2/2013	Về tín dụng đối với hộ cận nghèo	2013		Toàn quốc
2	1826/QĐ-TTg, 09/10/2013	Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại ngân hàng chính sách xã hội	2013		Toàn quốc
3	09/2012/QĐ-TTg ngày 10/02/2012	Sửa đổi một số điều của Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	2012		Các tỉnh ĐBSCL
4	853/QĐ-TTg, ngày 03/6/2011	Điều chỉnh mức cho vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên	2011		Toàn quốc
5	1196/QĐ-TTg ngày 19/7/2013	Điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên	2013		Toàn quốc
6	1826/QĐ-TTg, ngày 9/10/2013	Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội	2013		Toàn quốc



PHỤ LỤC SỐ 05

DANH MỤC

CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN TẠI VÙNG DT&MN DO CÁC BỘ, NGÀNH CHỦ TRÌ, XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2011 -2015

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBDT ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
A	NHÓM CHÍNH SÁCH CHUNG				
I	Chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu (gồm 02 Chính sách, Quyết định)				
1	366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012	Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015	2012	2015	Toàn quốc
2	695/QĐ-TTg ngày 8/6/2012	Sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	2012	2020	Toàn quốc
II	Chính sách phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập (12 chính sách, Quyết định)				
1	01/2012/QĐ-TTg, ngày 09/1/2012	Một số chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông lâm thủy sản	2012		
2	49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	2012		Toàn quốc
3	62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn	2013		Toàn quốc
4	899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013	Quyết định số của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị tăng và phát triển bền vững	2013		Toàn quốc
5	1442/QĐ-TTg, ngày 23/8/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	2011		Toàn quốc
6	68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013	Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (thay thế Quyết định 63/2010/QĐ-TTg và QĐ 65/2011/QĐ-TTg	2013		Toàn quốc

STT	Kí hiệu văn bản	Nội dung (tên chương trình, chính sách, dự án)	Vốn thực hiện (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện
				+ Tỉnh Hà Giang: 02 công trình làm đường. + Tỉnh Điện Biên: 02 công trình làm đường. + Tỉnh Lai Châu: 03 công trình làm đường. - Tổng số vốn phân bổ đạt 40,93% theo nhu cầu.
10	Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn	3.068,518	- Đã hỗ trợ cho 32.472.929 lượt người, đạt 94,6% kế hoạch; trong đó hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt đã thực hiện là 1.850.079 triệu đồng, chiếm 63,7% và kinh phí hỗ trợ theo hình thức cấp bằng hiện vật là 1.054.283 triệu đồng chiếm 33,3% tổng kinh phí thực hiện. - Trong số 57 tỉnh thực hiện chính sách có 34 tỉnh thực hiện bằng hình thức cấp tiền mặt, 5 tỉnh thực hiện bằng hình thức cấp hiện vật và 18 tỉnh chọn hình thức cả cấp tiền mặt và hiện vật.
11	Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 và Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013	Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	1.133,900	- Tổng số lượng phát hành các ấn phẩm là: 159,8 triệu tờ/cuốn trong đó: + Năm 2012 phát hành 19 ấn phẩm là 38,1 triệu tờ/cuốn. + Năm 2013 phát hành 19 ấn phẩm là 40,3 triệu tờ/cuốn. + Năm 2014 24 ấn phẩm 40,4 triệu tờ/cuốn. + Năm 2015 24 ấn phẩm 41 triệu tờ/cuốn. - Kinh phí thực hiện 100% so với tổng số vốn được cấp
12	Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013	Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS	126,022	- Rà soát, lập danh sách 33.264 người có uy tín (năm 2015): Có 53/54 dân tộc (trừ dân tộc Ngái) bình chọn được người có uy tín. Số lượng tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền núi, biên giới khu vực phía Bắc và Tây Nguyên. Các dân tộc Tày, Thái, Mông, Mường, Nùng, Dao, Khmer có số lượng người có uy tín được bình chọn nhiều nhất. - Số liệu chưa đầy đủ (do 1 số địa phương chưa báo cáo), với tổng kinh phí 126,022 tỷ đồng các địa phương đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín: Hỗ trợ ốm đau, sách báo, học tập, bồi dưỡng, tham quan...

ỦY BAN DÂN TỘC

STT	Kí hiệu văn bản	Nội dung (tên chương trình, chính sách, dự án)	Vốn thực hiện (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện
				hoạch vốn, trong đó đã hỗ trợ được đất ở 2.916 hộ, đất sản xuất 1.042 hộ và hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm được 948 hộ; đào tạo nghề cho 2.634 hộ
7	Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012	Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	1.110,953	Từ khi quyết định ban hành đến tháng 8/2015 chính sách chưa được bố trí kinh phí, để triển khai chính sách cho vay giai đoạn 2013-6/2015 đã thực hiện nguồn vốn thu hồi nợ từ Quyết định 32/2007/QĐ-TTg. Từ năm 2013 – 8/2015 đã thu hồi được 221,953 triệu đồng/2.195.808 triệu đồng đạt 10,11%. Tổng số hộ được vay từ 2013 - 6/2015 là 27.660 hộ, cụ thể: Năm 2013 đã triển khai cho vay được 14,650 hộ, với số tiền là 109,481 triệu đồng; năm 2014 đã cho vay được 11,431 hộ với số tiền là 90,975 triệu đồng; đến tháng 6/2015 đã cho vay 1,579 hộ với số tiền là 12,558 triệu đồng. Đến tháng 9/2015 Quyết định 54 mới được bố trí 889 tỷ để triển khai chính sách. Dự kiến sẽ bố trí vốn cho 111,125 hộ vay. Trong giai đoạn 2016 – 2020, còn 137.207 hộ có nhu cầu vay vốn.
8	Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định số 1342/2009/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013	Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số	2.144,000	- Giai đoạn 2011 đến hết tháng 6/2015, hoàn thành 30/44 điểm định canh định cư xen ghép, hoàn thành 130 dự án ĐCĐC tập trung để bố trí định cư cho 19.500 hộ với 91.500 khẩu. - Phân bổ vốn cho Chính sách đạt 100% kế hoạch vốn cả giai đoạn.
9	Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011	Dự án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hù, Công, Cờ Lao”	241,840	- Các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2015: + Tỉnh Hà Giang: 07 công trình, trong đó: 01 bể chứa, 02 đường điện sinh hoạt; 01 nhà mẫu giáo; 03 nhà sinh hoạt cộng đồng. + Tỉnh Điện Biên: 01 cầu treo. + Tỉnh Lai Châu: 08 công trình, trong đó: 07 công trình đường từ trung tâm xã đến bản; 01 công trình tu sửa công trình thủy lợi. - Các công trình chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2015:

STT	Kí hiệu văn bản	Nội dung (tên chương trình, chính sách, dự án)	Vốn thực hiện (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện
	TTg ngày 20/5/2013	sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (Thay thế Quyết định 1592/QĐ-TTg)		+ Xây dựng mới và duy tu bảo dưỡng được trên 232 công trình nước sinh hoạt tập trung. + Hỗ trợ cho nước sinh hoạt phân tán cho trên 43.000 hộ. + Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho trên 11.000 hộ, diện tích trên 6.000 ha. + Hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc nông cụ cho trên 7.000 hộ. - Tháng 9/2015, Quyết định 755 được bổ sung 1.350 tỷ đồng từ nguồn vượt thu năm 2014 (trong đó 750 tỷ đồng vốn hỗ trợ và 600 tỷ đồng vốn vay). - Quyết định 755 hết hiệu lực năm 2015 nhưng mục tiêu chưa hoàn thành, đối tượng thụ hưởng chính sách còn lớn. Theo tổng hợp báo cáo của các địa phương, tính đến hết tháng 6 năm 2015 còn 287.454 hộ thiếu đất sản xuất (trong đó 102.710 hộ có nhu cầu đất sản xuất, 184.744 hộ có nhu cầu chuyển đổi nghề).
6	Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013	Một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015 (thay thế QĐ 74/2008/QĐ-TTg)	642,550	- Giai đoạn 2013 - T8/2015, Quyết định 29 chưa được phân bổ vốn. Các tỉnh chủ yếu sử dụng vốn còn dư của Quyết định 74/2008/QĐ-TTg (352,55 tỷ đồng). Số vốn này phân bổ ở các tỉnh không đồng đều, một số tỉnh không thuộc đối tượng thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg nên chưa được cấp vốn¹. Mặt khác một số tỉnh có vốn tuy có vốn còn dư của QĐ 74 nhưng đến nay chưa quyết toán xong vốn thực hiện QĐ 74 nên chưa triển khai thực hiện QĐ 29, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả triển khai chính sách. - Đến tháng 9 năm 2015, ngoài số vốn còn dư của QĐ 74 tại các tỉnh là 352,552 tỷ đồng, TW đã cấp bổ sung 290 tỷ đồng từ nguồn vốn vượt thu để thực hiện nội dung cho vay của QĐ 29. - <i>Kết quả:</i> đến tháng 6/2015 theo báo cáo của 6/13 tỉnh (còn 5 tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Bạc Liêu chưa có báo cáo), kết quả đạt được như sau: Các tỉnh đã giải ngân được 147.553 triệu đồng (đạt 24,2% kế

¹Một số tỉnh không thuộc đối tượng thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg như: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp

STT	Kí hiệu văn bản	Nội dung (tên chương trình, chính sách, dự án)	Vốn thực hiện (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện
3	Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013	Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn	7.790,480	- Đến thời điểm này đã cấp 100% số vốn theo nhu cầu. - Địa bàn đầu tư: 2.331 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu và 3.509 thôn đặc biệt khó khăn (trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư cho 2.295 xã và 3.448 thôn; ngân sách địa phương đầu tư cho 36 xã và 61 thôn). - Kết quả: + Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: Đến nay, các địa phương đã tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng 20 nghìn công trình, tập trung chủ yếu vào đường giao thông, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng, thủy lợi... + Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: Số hộ được hưởng lợi của dự án này là 157.999 hộ, thực hiện hỗ trợ giống, cây, con, hỗ trợ mua sắm máy móc trang thiết bị, công cụ phát triển sản xuất, chế biến, hỗ trợ vắc xin tiêm phòng gia súc gia cầm, tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến lâm... Một số địa phương còn triển khai chận¹, tỷ lệ giải ngân thấp, một số huyện đang tiến hành thẩm định, phê duyệt danh sách hộ được hỗ trợ giống, vật tư, xây dựng nội dung kế hoạch đào tạo tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ về các mô hình phát triển sản xuất, tổ chức nghiên cứu học tập các mô hình phát triển sản xuất tốt để nhân rộng mô hình. - Đến thời điểm này đã cấp 44,49% số vốn theo nhu cầu.
4	Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009	Tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn	1.050,000	Năm 2011-2012, ngân sách TW bố trí 1.050 tỷ đồng thực hiện QĐ 1592/QĐ-TTg, đạt 13% so với kế hoạch vốn. Các địa phương đã hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 21.379 hộ, xây dựng được 910 công trình nước tập trung (ở 33 tỉnh) và bố trí được 2.738 ha đất sản xuất (ở 04 tỉnh), hỗ trợ ngành nghề cho 108 hộ (1 tỉnh)
5	Quyết định số 755/QĐ-	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất	952,600	- Kết quả từ 2014 đến tháng 6 năm 2015 cụ thể như sau:

¹ Bắc Kan, Lạng Sơn, Đắk Nông, Đồng Tháp



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

DO ỦY BAN DÂN TỘC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Kể từ Báo cáo số 35 /BC-UBDT ngày 4/ tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc)

STT	Kí hiệu văn bản	Nội dung (tên chương trình, chính sách, dự án)	Vốn thực hiện (Tỷ đồng)	Kết quả thực hiện
1		Chương trình 135 giai đoạn II	3.214,490	- Địa bàn đầu tư: 1.723 xã và 2.701 thôn đặc biệt khó khăn. - Kết quả: Do việc bố trí kinh phí chậm, ngày 02/12/2011 mới được thông báo vốn nên thời gian thực hiện chương trình được kéo dài đến hết 31/12/2012. + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: NSTW: 2.263,2 tỷ đồng, NSDP: 65 tỷ đồng. + Hỗ trợ PTSX: NSTW: 651,95 tỷ đồng, NSDP: 13,85 tỷ đồng. + Đào tạo, nâng cao năng lực: NSTW: 143,89 tỷ đồng, NSDP: 2,99 tỷ đồng. + Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư: NSTW: 142.582 tỷ đồng, NSDP: 3.036 tỷ đồng. + Kinh phí quản lý: NSTW: 12,87 tỷ đồng, NSDP: 280 triệu đồng. - Đến thời điểm này đã cấp 100% số vốn theo nhu cầu.
2	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012	Dự án 2 Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (Trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015)	4.757,200	- Địa bàn của Dự án: Năm 2012, đầu tư cơ sở hạ tầng cho 1.723 xã và 2.701 thôn đặc biệt khó khăn. Năm 2013 đầu tư cơ sở hạ tầng, duy tu bảo dưỡng các công trình ở 1.761 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã thuộc CT229 và 2.844 thôn đặc biệt khó khăn. - Kết quả: Đã xây dựng được 8.959 công trình, riêng năm 2013 đầu tư được 4.252 công trình trong đó giao thông 1.769 công trình, thủy lợi 970 công trình, điện 252 công trình, y tế 45 công trình, trường học 50 công trình, nước sinh hoạt tập trung 226 công trình, nhà sinh hoạt cộng đồng 96 công trình, 844 công trình khác và duy tu bảo dưỡng. Các công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư nhằm tạo ra kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng dân tộc và miền núi.

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

STT	Nội dung	Tổng kinh phí được duyệt (nhu cầu) giai đoạn 2011 - 2015	Kinh phí đã cấp theo từng năm					Tổng vốn đã cấp giai đoạn 2011 - 2015	Tỷ lệ đã cấp (%)
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015		
8	Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 1342/2009/QĐ-TTg về Chính sách hỗ trợ định canh định cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do	2.144,000	295,00	385,00	367,00	325,000	772,000	2.144,000	100,00
9	Quyết định 1672/QĐ-TTg về Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao" (được phân bổ vốn từ năm 2013)	590,826			73,280	73,280	95,280	241,840	40,93
10	Quyết định 102/2009/QĐ-TTg về Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn	3.068.518	653,288	653,288	653,337	549,412	559.193	3.068.518	100,00
11	Quyết định số 2472/QĐ-TTg về Chính sách cấp một số loại bảo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.	1.133.900	309.200	309,200	165,500	172,000	178,000	1.133,900	100,00
12	Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 về Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS						126.022	126.022	
	Tổng cộng	54.858,994	4.971,978	4.160,688	3.862,598	5.671,687	8.915,602	27.456,531	50,05

ỦY BAN DÂN TỘC